

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY ĐÔ**  
**KHOA NGỮ VĂN**



**BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**  
**NGÀNH DU LỊCH**

(Kèm theo Quyết định 133/QĐ-ĐHTĐ ngày 25 tháng 3 năm 2020)

**NĂM 2020**

GIAO

# 1. THÔNG TIN CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

## 1.1. Giới thiệu về chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo Đại học Quản trị dịch vụ du lịch & Lữ hành được điều chỉnh năm 2020 theo Quyết định của Nhà trường nhưng vẫn đảm bảo khối lượng kiến thức tối thiểu, tương đối các yêu cầu về năng lực mà người học cần đạt được sau khi tốt nghiệp theo thông tin tư vấn số 07/2015/TT- Bộ Giáo dục và Đào tạo ngày 16 tháng 4 năm 2015. Năm 2018, Khoa/ Bộ môn điều chỉnh chi tiết và chuẩn đầu ra theo Công văn số 1982 / QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ nhằm nâng cao chất lượng trường đại học đào tạo. Chương trình đào tạo đại học ngành Du lịch kế thừa các chương trình đào tạo trước đây và được bổ sung, sắp xếp hợp lý, phát triển nhằm đáp ứng yêu cầu mới của giáo dục đại học, người học và người có liên quan. Sinh viên tham gia chương trình đào tạo ngành Du lịch theo phương thức đào tạo kiến thức, kỹ năng và thái độ để trở thành cử nhân kinh tế có tư tưởng chính trị vững, kiến thức chuyên ngành có thể chịu trách nhiệm làm việc trong lĩnh vực du lịch và đáp ứng các yêu cầu của xã hội.

## 1.2. Thông tin chung về chương trình đào tạo

1. Tên chương trình tiếng Việt: **Chương trình đào tạo Du lịch**
2. Tên chương trình tiếng Anh: **Tourism**
3. Trình độ đào tạo: Đại học
4. Ngành đào tạo tiếng Việt: **Du lịch**
5. Ngành đào tạo tiếng Anh: **Tourism**
6. Mã ngành: 7810101
7. Thời gian đào tạo: 4 năm
8. Loại hình đào tạo: Chính quy, tập trung
9. Số tín chỉ: 141
10. Văn bằng tốt nghiệp: Cử nhân/Đại học
11. Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt

# 2. MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH

## 2.1. Sứ mạng – Tầm nhìn – Mục tiêu phát triển của Trường Đại Học Tây Đô

### *Sứ mạng*

Sứ mạng của Trường Đại học Tây Đô là đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng, có khả năng ứng dụng khoa học đa lĩnh vực, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội vùng Đồng bằng sông Cửu Long, thông qua việc truyền tải tri thức bằng các phương thức linh hoạt nhất cho người học.

### *Tầm nhìn*

Trường Đại học Tây Đô phấn đấu đến năm 2025 trở thành trường đại học tư thục đa ngành hàng đầu ở Khu vực ĐBSCL với định hướng nghiên cứu ứng dụng phục vụ cộng

đồng. Phần đầu đến năm 2035, một số ngành đào tạo hệ đại học chính quy của Trường sẽ phát triển ngang tầm Khu vực Đông Nam Á.

### ***Mục tiêu phát triển đến năm 2035***

Mục tiêu chiến lược đến năm 2035 là xây dựng và phát triển Trường Đại học Tây Đô thành một cơ sở đào tạo nguồn nhân lực trình độ đại học và sau đại học định hướng nghiên cứu ứng dụng có uy tín, chất lượng, đáp ứng nhu cầu phát triển bền vững về các lĩnh vực: Kinh tế, văn hóa, xã hội, bảo vệ môi trường, sức khỏe vùng Đồng bằng sông Cửu Long và cả nước.

***Các giá trị:*** Trí tuệ - Sáng tạo - Năng động - Đổi mới

### ***Triết lý giáo dục***

- Học suốt đời để làm việc suốt đời

- Thực học - Thực nghiệp.

## **2.2. Sứ mạng – Tầm nhìn – Mục tiêu phát triển của Khoa/Bộ môn**

### ***Sứ mệnh***

Cung cấp cho xã hội nguồn nhân lực chất lượng cao theo định hướng nghiên cứu đáp ứng nhu cầu phát triển có chất lượng, hiệu quả và ổn định; Nghiên cứu và chuyển giao kết quả nghiên cứu cho các tổ chức, doanh nghiệp và xã hội; Tạo môi trường thuận lợi để đào tạo, nuôi dưỡng và phát triển nhân tài trong lĩnh vực kinh doanh du lịch hiện đại.

### ***Tầm nhìn***

Trở thành Khoa dựa trên nghiên cứu ứng dụng xếp hạng tầm nhìn ngang hàng với Khoa Du lịch tiên tiến trong khu vực và cả nước, trong đó có ít nhất 2 ngành đào tạo sẽ được kiểm định do các tổ chức chất lượng giáo dục đại học cấp trường và cấp khu vực.

### ***Mục tiêu***

***Mục tiêu đào tạo:*** Tạo cho sinh viên có đủ sức khỏe; đã được cải tiến, chuyên nghiệp; có kiến thức về giá trị xã hội chính, luật pháp và thông tin công nghệ; có kỹ năng lập kế hoạch, tổ chức, điều hành và giám sát hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh tại các tổ chức, doanh nghiệp trong môi trường luôn thay đổi.

***Mục tiêu phát triển đến năm 2023:*** Mở rộng ngành nghề đào tạo ở cả bậc đại học và sau đại học.

Tăng quy mô đào tạo so với hiện tại 20%

Nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên.

Thao tác mạnh mẽ nâng cấp nghiên cứu khoa học của viên và sinh viên.

Nâng cả về số lượng và chất lượng.

Thực hiện kiểm định 2 CTĐT bậc đại học.

## **2.3. Mục tiêu của chương trình**

### ***2.3.1 Mục tiêu chung***

Chương trình đào tạo cử nhân ngành Du lịch được xây dựng nhằm đào tạo cử nhân

ngành Du lịch có đủ kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp của ngành, phẩm chất chính trị, đạo đức, tác phong nghề nghiệp và sức khỏe tốt để có thể làm việc tốt trong các lĩnh vực dịch vụ du lịch, lễ hành, góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cho ngành du lịch của vùng Đồng bằng sông Cửu Long và cả nước trong thời kỳ hội nhập quốc tế.

### **2.3.2 Mục tiêu cụ thể**

#### **- Kiến thức**

**G1.** Những kiến thức về lý luận chính trị, pháp luật, kinh tế, xã hội, văn hoá.

**G2.** Vận dụng tốt ngoại ngữ và các phần mềm tin học trong lĩnh vực kinh tế; có khả năng đọc hiểu tài liệu chuyên ngành, giao tiếp với du khách, đối tác, đồng nghiệp, sử dụng tiếng Anh đáp ứng vị trí công việc trong môi trường hội nhập quốc tế.

**G3.** Có kiến thức cơ bản của văn hóa du lịch, địa lí du lịch, tổng quan du lịch, phát triển du lịch bền vững, tuyến điểm du lịch, qui hoạch du lịch, tâm lí du khách, quản lí nhà nước về du lịch, bản đồ du lịch, cũng như những kiến thức chuyên sâu trong các lĩnh vực khác nhau của hoạt động kinh doanh du lịch như marketing du lịch, ứng dụng CNTT trong du lịch, quản trị điểm đến du lịch, du lịch biển đảo, du lịch cộng đồng, du lịch sông nước miệt vườn,...

#### **- Kỹ năng**

**G4.** Có kỹ năng hướng dẫn và thuyết minh du lịch, xử lí tình huống trong du lịch, kỹ năng thiết kế và điều hành chương trình du lịch, kỹ năng hoạt náo du lịch, tổ chức sự kiện trong du lịch, kỹ năng nghiệp vụ nhà hàng khách sạn...

**G5.** Có khả năng thực hiện các nghiên cứu độc lập có tính thực tiễn trong du lịch, tham gia nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực du lịch

**G6.** Áp dụng hiệu quả các kỹ năng mềm cơ bản về giao tiếp, nói trước công chúng, thuyết trình, làm việc nhóm, giải quyết vấn đề, kỹ năng phân tích, tổng hợp, kỹ năng phân biện,...

#### **- Mức tự chủ và tự chịu trách nhiệm**

**G7.** Có phẩm chất chính trị, ý thức phát triển nghề nghiệp, trách nhiệm công dân, trách nhiệm cộng đồng, có sức khoẻ đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

**G8.** Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.

**G9.** Có thái độ và đạo đức nghề nghiệp đúng đắn, có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và có năng lực phát hiện, giải quyết những vấn đề thuộc chuyên ngành được đào tạo.

### **2.3.3. Về vị trí làm việc sau tốt nghiệp**

+ *Việc làm trong lĩnh vực du lịch – lễ hành:*

- Hướng dẫn viên du lịch nội địa và quốc tế.

- Thiết kế, tổ chức và điều hành các tour du lịch trong và ngoài nước

- Phụ trách sale và marketing du lịch.

- Phụ trách tổ chức các sự kiện du lịch, lễ hội văn hóa

+ *Việc làm trong lĩnh vực nhà hàng – khách sạn:*

- Thuộc bộ phận lễ tân

- Thuộc bộ phận buồng phòng

- Thuộc bộ phận ẩm thực, tiệc nhà hàng

- Thuộc bộ phận sale và marketing

+ *Việc làm trong lĩnh vực văn hóa:*

Sinh viên tốt nghiệp Đại học Du lịch có thể làm việc trong các trung tâm nghiên cứu và đào tạo du lịch; các cơ quan, tổ chức, đoàn thể xã hội về văn hoá, giáo dục như: Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch, Trung tâm xúc tiến du lịch; các cơ sở giảng dạy ngành du lịch; thuyết minh viên – hướng dẫn viên tại bảo tàng, di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh,...

#### **2.3.4. Khả năng học tập nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp**

- Có nền tảng tốt để tiếp tục học lên bậc học cao hơn như Thạc sĩ, Tiến sĩ của Trường Đại học Tây Đô, các trường đại học trong nước và ngoài nước hoặc các chương trình liên kết được cấp phép của Bộ GD&ĐT của các Trường Đại học trong nước với một số trường ở nước ngoài để lấy bằng Thạc sĩ của các trường này;

- Có năng lực làm việc tại các doanh nghiệp có quy mô lớn thuộc ngành nghề

- Có năng lực thăng tiến lên cấp quản trị cấp trung (trong vòng 3 -5 năm tích lũy kinh nghiệm làm việc);

- Có khả năng tự học để nâng cao trình độ.

### **3. CHUẨN ĐẦU RA (Program learning outcomes)**

#### **3.1. Kiến thức**

<b>Chuẩn đầu ra</b>	<b>Giải thích</b>
<b>LO1</b>	Biết, hiểu và phân tích được những kiến thức về các nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác- Lênin, Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, Tư tưởng Hồ Chí Minh; chính sách pháp luật của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; an ninh quốc phòng và giáo dục thể chất. Phân tích và vận dụng được các kiến thức khoa học xã hội và nhân văn vào giải quyết những vấn đề lý luận và thực tiễn của ngành du lịch.
<b>LO2</b>	Phân tích và vận dụng được các kiến thức cơ bản về lĩnh vực du lịch, pháp luật du lịch, phương pháp nghiên cứu trong du lịch, lịch sử và văn hóa Việt Nam vào thực tiễn. Vận dụng được các kiến thức về địa lí du lịch Việt Nam, kinh tế du lịch, văn hóa du lịch, tâm lý du khách và giao tiếp du lịch, marketing du lịch và tuyển điểm du lịch Việt Nam vào lĩnh vực du lịch.

<b>LO3</b>	Sinh viên sử dụng được các phần mềm tin học MS Windown, MS Word, MS Excell, Powerpoint. Hiểu và vận dụng được kiến thức cơ bản về công nghệ thông tin ứng dụng vào vận hành, quản lý trong ngành du lịch.
<b>LO4</b>	Phân tích và tổng hợp được những kiến thức chuyên sâu về các nghiệp vụ chủ yếu trong hoạt động du lịch, gồm: hoạt náo trong du lịch, nghiệp vụ hướng dẫn du lịch, nghiệp vụ lữ hành, tổ chức sự kiện trong du lịch, thiết kế và điều hành tour, lễ tân, thủ tục xuất nhập cảnh.
<b>LO5</b>	Nắm vững và vận dụng được các kiến thức chuyên sâu liên quan đến công tác quản lý và nghiên cứu phát triển du lịch: quy hoạch du lịch, dịch vụ bổ sung trong du lịch, quản lý nhà nước về du lịch, quản lý du lịch bền vững, quản lý điểm đến du lịch, quản lý nguồn nhân lực du lịch. Hiểu, phân tích, đánh giá được các vấn đề về xu hướng phát triển du lịch bền vững, du lịch sinh thái, vấn đề đạo đức trong kinh doanh trong bối cảnh hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng.

### 3.2. Kỹ năng

#### 3.2.1. Kỹ năng cứng

<b>Chuẩn đầu ra</b>	<b>Giải thích</b>
<b>LO6</b>	Kỹ năng vận dụng kiến thức lý thuyết và thực tiễn của ngành du lịch.
<b>LO7</b>	Kỹ năng phân biện, truyền đạt và đề xuất giải pháp khởi nghiệp trong du lịch.
<b>LO8</b>	Có khả năng tổng hợp, đánh giá, phân tích các vấn đề thuộc lĩnh vực du lịch; có các kỹ năng cần thiết về tổ chức, điều hành, quản lý, xử lý tình huống trong các lĩnh vực kinh doanh du lịch.

#### 3.2.2. Kỹ năng mềm

Các kỹ năng hỗ trợ cho việc nâng cao hiệu quả làm việc và phát huy tối đa năng lực cá nhân như:

<b>Chuẩn đầu ra</b>	<b>Giải thích</b>
<b>LO9</b>	Có kỹ năng thoả thuận, thuyết phục, đàm phán trong quản lý kinh doanh du lịch.
<b>LO10</b>	Kỹ năng thu thập, thống kê, xử lí các thông tin về lĩnh vực du lịch và kinh doanh du lịch; kỹ năng phân tích, tổng hợp ý kiến tập thể, đánh giá chất lượng công việc, kỹ năng làm việc nhóm để giải quyết những vấn đề thực tế về du lịch và kinh doanh du lịch.
<b>LO11</b>	Sử dụng tốt ngoại ngữ bậc 3/6 Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam; sử dụng được tiếng Anh và công nghệ thông tin cơ bản để hoàn thành tốt

các công việc thuộc lĩnh vực du lịch.
---------------------------------------

### 3.2.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

Sinh viên cần đạt năng lực tự chủ và trách nhiệm như được trình bày ở Bảng bên dưới để quá trình đào tạo đạt hiệu quả.

Chuẩn đầu ra	Giải thích
LO12	Có phẩm chất chính trị - đạo đức nghề nghiệp, có trách nhiệm công dân, trách nhiệm xã hội và trách nhiệm đối với tổ chức, đơn vị. Có sức khỏe tốt, phù hợp với hoạt động của ngành du lịch. Có phương pháp làm việc và tư duy khoa học, biết cách giải quyết hiệu quả các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn nghề nghiệp.
LO13	Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân, trách nhiệm đối với nhóm và chịu trách nhiệm với xã hội. Hình thành ý thức tự phát triển bản thân và khả năng học tập suốt đời để làm việc suốt đời.
LO14	Có khả năng tự học tập, cập nhật thông tin và tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc và tôn trọng sự khác biệt, đa dạng về văn hóa.
LO15	Xây dựng và quản lý kế hoạch phát triển cá nhân về nghề nghiệp đáp ứng nhu cầu xã hội và sự phát triển bền vững của du lịch; lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải tiến hiệu quả các hoạt động chuyên môn; biết tìm tòi, điều chỉnh, phát triển, sáng tạo các sản phẩm mới trong du lịch, xây dựng ý tưởng và tổ chức sự kiện.

**Bảng 1: Ma trận tích hợp Mục tiêu và Chuẩn đầu ra của chương trình**

Chuẩn đầu ra CTĐT	Mục tiêu đào tạo								
	G1	G2	G3	G4	G5	G6	G7	G8	G9
LO1	3	1	2	1	1	1	1	1	1
LO2	2	2	3	3	3	3	2	2	2
LO3	1	2	2	2	1	2	2	2	1
LO4	1	2	3	4	3	4	4	3	3
LO5	1	1	2	3	3	3	3	3	3
LO6	1	2	3	4	4	4	3	3	3
LO7	2	2	2	4	3	3	3	3	3

LO8	1	2	2	3	3	3	3	3	3
LO9	2	2	2	3	3	3	3	3	3
LO10	1	3	2	2	2	2	2	2	2
LO11	1	2	2	2	2	2	2	2	2
LO12	3	2	2	2	2	2	3	3	3
LO13	2	2	3	3	2	3	3	3	2
LO14	2	2	2	3	3	3	3	3	3
LO15	2	2	2	2	2	2	3	3	3

#### **4. ĐỊNH HƯỚNG NGHỀ NGHIỆP, VỊ TRÍ VIỆC LÀM SAU KHI TỐT NGHIỆP**

- Bắt đầu với các vị trí nhân viên, chuyên viên trong lĩnh vực chuyên môn được đào tạo như: hướng dẫn viên du lịch, thuyết minh viên du lịch, sale tour, thiết kế - điều hành tour, kinh doanh du lịch, marketing,... Sau đó, có thể đảm đương được các vị trí quản lý cấp trung và phát triển lên cấp cao khi hội tụ đủ các điều kiện cần thiết về kinh nghiệm, bản lĩnh, khả năng trong các doanh nghiệp, các cơ quan quản lý và các tổ chức phi lợi nhuận trong lĩnh vực dịch vụ du lịch và lữ hành.

- Làm việc trong môi trường áp lực cao, môi trường thay đổi thường xuyên và đa dạng các nhóm người trong công tác xúc tiến kinh doanh dịch vụ du lịch và lữ hành.

- Có khả năng nghiên cứu, học tập tiếp ở bậc cao hơn.

#### **5. THÔNG TIN TUYỂN SINH, QUY TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP**

##### **5.1. Thông tin tuyển sinh:**

Thực hiện theo Quy chế tuyển sinh Đại học hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo của Trường Đại học Tây Đô. Công dân Việt Nam có đủ các điều kiện sau đây đều được đăng ký dự tuyển:

- Đã tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương.
- Có đủ sức khỏe để học tập và lao động theo quy định hiện hành của Liên Bộ Y tế - Giáo dục và Đào tạo.
- Nộp đầy đủ, đúng thời hạn các giấy tờ và lệ phí đăng ký dự thi theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

❖ **Phạm vi tuyển sinh:** Tuyển sinh trong cả nước.

❖ **Phương thức tuyển sinh:**

▪ **Xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi THPT Quốc gia:**

Sử dụng kết quả kỳ thi THPT Quốc gia để xét tuyển.



**Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào:** Đã tốt nghiệp THPT và tổng điểm thi của 3 môn thi (theo thang điểm 10) thuộc nhóm môn xét tuyển phải lớn hơn hoặc bằng ngưỡng đảm bảo chất lượng do nhà trường quy định sau khi có kết quả thi THPT Quốc Gia.

▪ **Xét tuyển dựa vào kết quả học tập ở bậc THPT (xét học bạ).**

Có hai hình thức của phương thức xét học bạ:

- **Hình thức 1:** Xét dựa vào kết quả học tập của cả năm học lớp 12 và kết quả tốt nghiệp THPT với các tiêu chí sau:

- + Tốt nghiệp THPT.
- + Điểm trung bình chung cả năm lớp 12 của 03 môn thuộc nhóm các môn dùng để lấy kết quả xét tuyển.

+ Cách tính điểm xét tuyển (ĐXT):

$$\text{ĐXT} = \text{Điểm trung bình chung (ĐTBC)} + \text{Điểm ưu tiên (ĐU'TXT)}.$$

$$\text{ĐTBC} = (\text{ĐTB cả năm lớp 12 môn 1} + \text{ĐTB cả năm lớp 12 môn 2} + \text{ĐTB cả năm lớp 12 môn 3}) \div 3.$$

$$\text{ĐU'TXT} = (\text{điểm ưu tiên khu vực} + \text{điểm ưu tiên đối tượng}) \div 3.$$

(ĐTBC và ĐXT được làm tròn đến 1 chữ số thập phân)

**Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào** điểm trung bình chung của 03 môn thuộc nhóm các môn dùng để lấy kết quả xét tuyển đạt từ 6,0 điểm trở lên.

- **Hình thức 2:** Xét dựa vào kết quả học tập cả năm lớp 10, cả năm lớp 11, học kỳ I lớp 12 và kết quả tốt nghiệp THPT với các tiêu chí sau:

- + Tốt nghiệp THPT.
- + Điểm trung bình chung cả năm lớp 10, cả năm lớp 11 và học kỳ I lớp 12 của 03 môn thuộc nhóm các môn dùng để lấy kết quả xét tuyển.

+ Cách tính điểm xét tuyển (ĐXT):

$$\text{ĐXT} = \text{ĐTBC} + \text{ĐU'TXT}$$

$$\text{ĐTBC} = (\text{ĐTB môn 1} + \text{ĐTB môn 2} + \text{ĐTB môn 3}) \div 3$$

$$\text{ĐTB Môn 1} = (\text{ĐTB cả năm lớp 10 môn 1} + \text{ĐTB cả năm lớp 11 môn 1} + \text{ĐTB học kỳ I lớp 12 môn 1}) \div 3.$$

$$\text{ĐTB Môn 2} = (\text{ĐTB cả năm lớp 10 môn 2} + \text{ĐTB cả năm lớp 11 môn 2} + \text{ĐTB học kỳ I lớp 12 môn 2}) \div 3.$$

$$\text{ĐTB Môn 3} = (\text{ĐTB cả năm lớp 10 môn 3} + \text{ĐTB cả năm lớp 11 môn 3} + \text{ĐTB học kỳ I lớp 12 môn 3}) \div 3.$$

$$\text{ĐU'TXT} = (\text{điểm ưu tiên khu vực} + \text{điểm ưu tiên đối tượng}) \div 3.$$

(ĐTBC và ĐXT được làm tròn đến 1 chữ số thập phân)

**Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào** điểm trung bình chung của 03 môn thuộc nhóm các môn dùng để lấy kết quả xét tuyển đạt từ 6,0 điểm trở lên.

▪ **Tổ hợp xét tuyển:**

- + Khối A00 (Toán, Lý, Hóa)
- + Khối A01 (Toán, Lý, Anh)
- + Khối D01 (Toán, Văn, Anh)
- + Khối C04 (Toán, Văn, Địa lý)
- + Khối C00 (Văn, Sử, Địa)

## **5.2. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp**

### **5.4.1 Quy trình đào tạo**

Thực hiện theo Quy chế Đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Tây Đô (Ban hành theo Quyết định số 484/QĐ-ĐHTĐ, ngày 17/9/2014 và được sửa đổi theo Quyết định số 432 ngày 03/9/2015 của Hiệu Trưởng trường Đại học Tây Đô).

### **5.4.2 Điều kiện tốt nghiệp**

Thực hiện theo Quy chế Đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Tây Đô (Ban hành theo Quyết định số 484/QĐ-ĐHTĐ, ngày 17/9/2014 và được sửa đổi theo Quyết định số 432 ngày 03/9/2015 của Hiệu Trưởng trường Đại học Tây Đô) và Quyết định số 641/QĐ-ĐHTĐ ngày 1/9/2017 Quy định các kỹ năng chuẩn đầu ra cho sinh viên trường Đại học Tây Đô.

- a) Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp, sinh viên không bị kỷ luật từ mức đình chỉ học tập, không đang trong thời gian bị truy cứu trách nhiệm hình sự.
- b) Tích lũy đủ số học phần và khối lượng của chương trình đào tạo được quy định.
- c) Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,0 trở lên.
- d) Có chứng chỉ Giáo dục quốc phòng – An ninh, Giáo dục thể chất.
- e) Đạt kỹ năng ngoại ngữ, kỹ năng sử dụng Công nghệ thông tin, kỹ năng mềm, kỹ năng nghề nghiệp và được cấp chứng chỉ theo quy định của Nhà trường.

### **5.3. Cách thức đánh giá**

Chương trình sử dụng thang điểm 10, quy đổi tương đương sang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy định của Trường. Thực hiện theo Quy chế Đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Tây Đô (Ban hành theo Quyết định số 484/QĐ-ĐHTĐ, ngày 17/9/2014 và được sửa đổi theo Quyết định số 432 ngày 03/9/2015 của Hiệu Trưởng trường Đại học Tây Đô).

## **6. CHIẾN LƯỢC GIẢNG DẠY VÀ HỌC TẬP**

Chiến lược giảng dạy và học tập của Chương trình Du lịch tiếp cận dựa trên chuẩn đầu ra, ở cấp độ chương trình, từ chuẩn đầu ra mong đợi của chương trình đào tạo, thiết kế chuẩn đầu ra học phần. Dựa trên chuẩn đầu ra này xây dựng kế hoạch giảng dạy, tiến trình giảng dạy: đề cương học phần, phương pháp giảng dạy, phương pháp học tập và các công cụ đánh giá. Sau khi kết thúc học phần tiến hành đánh giá học phần và tiến đến đánh giá chương trình để tiến hành cải tiến chuẩn đầu ra chương trình.

### 6.1. Chuẩn bị của giảng viên

- Giảng viên giảng dạy chương trình ngành Du lịch cần trang bị những kinh nghiệm dạy học khác nhau.
- Nắm rõ kiểu dạng lớp học mà mình đang giảng dạy (lớp học có lý thuyết hay thực hành; học phần bắt buộc, học phần tự chọn hay học phần thay thế tốt nghiệp).
- Nắm rõ kiểu dạy học (dạy học liên môn, dạy học trực tuyến hay dạy học tích hợp).
- Hiểu rõ sinh viên của mình (sinh viên năm nhất, năm hai, năm ba, năm tư hay năm cuối đại học).
- Hiểu rõ về chính sách trong học tập.

### 6.2. Các phương pháp/chiến lược dạy học

- Phương pháp thích nghi với người học, đặt trọng tâm ở người học;
- Thay đổi cách thức hoạt động dạy và học của GV và SV: Người học cần suy nghĩ nhiều hơn, làm nhiều hơn, thảo luận nhiều hơn, với trạng thái thoải mái, hứng thú hơn, trong mối quan hệ thân thiện dân chủ để thực hiện tốt mục tiêu đào tạo;
- Các phương pháp được sử dụng chủ yếu: giảng dạy trực tiếp, giảng dạy gián tiếp, học tập trải nghiệm, giảng dạy tương tác, và học tập độc lập.
- Danh sách chiến lược giảng dạy và phương pháp giảng dạy sử dụng trong chương trình đào tạo được mô tả như bảng sau:

**Bảng 2. Chiến lược giảng dạy và học tập**

Chiến lược giảng dạy	Mô tả	Phương pháp giảng dạy
Giảng dạy trực tiếp	Đa số các phần lý thuyết được dạy theo phương pháp thuyết trình, thuyết giảng, vấn đáp, đặt câu hỏi gợi ý, giao bài tập về nhà, kiểm tra khả năng tự học của sinh viên thông qua bài tập, thảo luận nhóm, Seminar	Thuyết giảng Bài học Câu hỏi gợi ý, chuẩn đoán Trình diễn mẫu Luyện tập và thực hành
Giảng dạy gián tiếp	Một số học phần giảng dạy gián tiếp không có sự can thiệp rõ ràng của giảng viên như thực tập tốt nghiệp, khóa luận tốt nghiệp	Yêu cầu Giải quyết vấn đề Nghiên cứu tình huống Xây dựng ý tưởng
Học tập trải nghiệm	Các học phần cơ bản, cơ sở ngành và chuyên ngành có thực hành và thí nghiệm trong phòng thí nghiệm	Mô phỏng Thực tế Thí nghiệm

Giảng dạy tương tác	Được thực hiện hầu hết trong các học phần của chương trình đào tạo. Sinh viên thảo luận nhóm, thuyết trình, thực tế tốt nghiệp, khóa luận tốt nghiệp	Tranh luận Thảo luận Giải quyết vấn đề Động não
Học tập độc lập	Hoạt động thực tế tốt nghiệp, hoạt động tự học, khóa luận tốt nghiệp	Kế hoạch cá nhân Kế hoạch nghiên cứu

### 6.3. Cải tiến, nâng cao chất lượng dạy học

- Chương trình đào tạo được rà soát định kỳ 2 năm/1 lần theo hướng điều chỉnh đáp ứng được nhu cầu của người học và các bên có liên quan.

- Mỗi học kỳ, Khoa xây dựng kế hoạch dự giờ của GV đặc biệt là GV trẻ để trao đổi chia sẻ kiến thức, phương pháp giảng dạy nâng cao năng lực GV;

- Thường xuyên lấy ý kiến phản hồi của sinh viên về phẩm chất, tài năng, đạo đức và tác phong của GV.

- Thường xuyên lấy ý kiến của các bên liên quan về nhu cầu sử dụng người học sau khi tốt nghiệp.

## 7. PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ

### 6.4. Quy trình đánh giá

Phương pháp đánh giá sinh viên dựa trên chuẩn đầu ra học phần, và chuẩn đầu ra học phần phản ánh mức độ đạt được của chuẩn đầu ra học phần. Việc đánh giá này phải đảm bảo tính giá trị, tin tưởng và công bằng. Đánh giá sinh viên bao gồm thi đầu vào, khảo sát sinh viên về học phần giữa kỳ và đánh giá tổng thể cuối kỳ. Các phương pháp đánh giá bao gồm: trắc nghiệm khách quan nhiều lựa chọn, bài kiểm tra ngắn, báo cáo thực tế tốt nghiệp, khóa luận tốt nghiệp, kiểm tra thực hành, phân tích tình huống. Chuẩn đánh giá có thể dựa vào các rubrics học phần. Việc cho điểm, phản hồi của giảng viên, sinh viên được thực hiện theo quy trình.

### 6.5. Hình thức, trọng số và tiêu chí đánh giá

#### ❖ Các môn lý thuyết:

- Điểm đánh giá thành phần và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

- Điểm học phần là tổng điểm của tất cả các điểm đánh giá thành phần của học phần nhân với trọng số tương ứng.

#### - Trọng số quy định:

- Điểm giữa kỳ, chuyên cần, bài tập, ... : 30 - 40%
- Điểm thi kết thúc học phần: 60% - 70%. Hình thức thi theo học phần cụ thể ghi trong đề cương chi tiết. Tiêu chí đánh giá bài thi theo đáp án của giảng viên ra đề.

❖ **Các môn thực hành:** Điểm học phần là điểm trung bình cộng điểm của các bài thực hành.

## 6.6. Thang điểm

Thực hiện theo Quy chế Đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Tây Đô (Ban hành theo Quyết định số 484/QĐ-ĐHTĐ, ngày 17/9/2014 và được sửa đổi theo quyết định số 432 ngày 03/9/2015 của Hiệu Trưởng trường Đại học Tây Đô).

**Bảng 3. Thang điểm đánh giá bộ phận, điểm học phần:**

Xếp loại học phần	Điểm số theo thang điểm 10	Điểm chữ	Điểm số theo thang điểm 4
Xuất sắc	9,0 – 10,0	A	4,0
Giỏi	8,0 – 8,9	B+	3,5
Khá	7,0 – 7,9	B	3,0
Trung bình Khá	6,5 – 6,9	C+	2,5
Trung bình	5,5 – 6,4	C	2,0
Trung bình Yếu	5,0 – 5,4	D+	1,5
Yếu	4,0 – 4,9	D	1,0
Kém	nhỏ hơn 4,0	F	0,0

Điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy được tính theo công thức sau và được làm tròn đến 2 chữ số thập phân:

$$A = \frac{\sum_{i=1}^n a_i \times n_i}{\sum_{i=1}^n n_i}$$

Trong đó:

$A$ : là ĐTBCHK, ĐTBCHNH hoặc ĐTBCTL.

$a_i$ : là điểm của học phần thứ  $i$ .

$n_i$ : là số tín chỉ của học phần thứ  $i$ .

$n$ : là tổng số học phần.

## 6.7. Một số Rubric đánh giá trong chương trình

### 6.7.1. Rubric đánh giá thuyết trình

STT	TIÊU CHÍ	KHÔNG ĐẠT	ĐẠT	TỐT	RẤT TỐT
		1	2	3	4
1	Nội dung	Sai về nội dung chủ đề, không đầy đủ về nội dung	Đúng và đầy đủ nội dung chủ đề bài thuyết trình	Đúng nội dung chủ đề có liên hệ mở rộng.	Phân tích nội dung trọng tâm chủ đề. Liên hệ nội dung với thực tiễn (nếu có).

2	<b>Cách thiết kế bài thuyết trình</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Có nhiều lỗi trong câu, từ.</li> <li>- Định dạng không phù hợp về font, size.</li> <li>- Thiếu những hiệu ứng cần thiết.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn phong dễ hiểu, không có lỗi chính tả.</li> <li>- Định dạng phù hợp.</li> <li>- Màu sắc đơn điệu, chưa nhấn mạnh trọng tâm.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn phong dễ hiểu, không có lỗi chính tả.</li> <li>- Định dạng phù hợp.</li> <li>- Hình ảnh, biểu bảng rõ ràng sắc nét.</li> <li>- Hiệu ứng hợp lý, màu sắc đẹp, có nhấn mạnh trọng tâm.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn phong dễ hiểu, không có lỗi chính tả.</li> <li>- Định dạng phù hợp.</li> <li>- Hình ảnh, biểu bảng rõ ràng sắc nét.</li> <li>- Hiệu ứng hợp lý, màu sắc đẹp, có nhấn mạnh trọng tâm.</li> <li>- Có các đường link minh họa hoặc link giữa các slide hợp lý.</li> </ul>
3	<b>Tác phong trình bày</b>	Trình bày không tự tin, không suôn sẻ, không rõ ràng.	Trình bày tự tin, suôn sẻ, rõ ràng.	Trình bày tự tin, nhiệt huyết, mạch lạc, rõ ràng, sử dụng tốt ngôn ngữ nói và hình thể.	Trình bày chuyên nghiệp, sử dụng tốt ngôn ngữ nói và hình thể, có tương tác với người nghe.
4	<b>Phản hồi, xử lý ý kiến phản biện</b>	Không xác định mục tiêu, nội dung cần phản biện.	Xác định được nội dung câu hỏi phản biện nhưng trả lời chưa rõ ràng cụ thể.	Trả lời được mục tiêu câu hỏi đề ra nhưng chưa minh họa được bình ví dụ điển hình.	Trả lời được câu hỏi phản biện mở rộng, nâng cao. Liên hệ ví dụ minh họa điển hình cho câu trả lời.

#### 6.7.2. Rubric đánh giá báo cáo khóa luận tốt nghiệp

Tiêu chí	Tỉ lệ %	Không đạt (0-1 điểm)	Gần đạt (2-4 điểm)	Đạt (5-8 điểm)	Tốt (9-10 điểm)
I	<b>NỘI DUNG KHÓA LUẬN 70%</b>				

<b>1. Hình thức</b>	5%	Không đạt số trang quy định Định dạng sai	Đạt số trang quy định ( $\geq 40$ trang). Định dạng đúng quy định	Đạt số trang quy định ( $\geq 40$ trang). Định dạng đúng quy định Phù hợp với văn phong khoa học.	Đạt số trang quy định ( $\geq 40$ trang). Định dạng đúng quy định Phù hợp với văn phong khoa học. Trình bày rõ ràng, hợp logic.
<b>2. Cấu trúc</b>	5%	Không đủ các chương	Đầy đủ các chương	Đầy đủ các chương và các phần liên quan	Đầy đủ các chương và các phần liên quan Bố cục logic
<b>3. Nội dung</b>					
<b>3.1. Tổng quan</b>	10%	Không nêu được mục tiêu và không lược khảo tài liệu	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giới thiệu tình hình thực tế của vấn đề nghiên cứu</li> <li>- Nêu được tính cấp thiết của đề tài.</li> <li>- Nêu được mục tiêu tổng quát và mục tiêu cụ thể.</li> <li>- Xác định các khái niệm làm cơ sở cho đề tài</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giới thiệu tình hình thực tế của vấn đề nghiên cứu</li> <li>- Nêu được tính cấp thiết của đề tài.</li> <li>- Nêu được mục tiêu tổng quát và mục tiêu cụ thể.</li> <li>- Lược khảo đầy đủ và phù hợp về những nghiên cứu trước đây về vấn đề có liên quan đến đề tài nghiên cứu</li> <li>- Kế thừa thích hợp những tri thức của các nghiên cứu trước đây để tiến hành nghiên cứu (các khái niệm, các lý thuyết...).</li> <li>- Xác định các</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giới thiệu tình hình thực tế của vấn đề nghiên cứu chính xác, rõ ràng, súc tích.</li> <li>- Nêu được tính cấp thiết của đề tài.</li> <li>- Mục tiêu cụ thể có tương thích với mục tiêu tổng quát</li> <li>- Lược khảo có phân tích, đầy đủ và phù hợp về những nghiên cứu trước đây về vấn đề có liên quan đến đề tài nghiên cứu</li> <li>- Nêu bật được những khiếm khuyết của các nghiên cứu này đây so với thực tế (để chứng minh tính thiết yếu khoa học).</li> <li>- Kế thừa thích hợp những tri thức của các nghiên cứu trước đây để tiến hành nghiên cứu</li> </ul>

				khái niệm làm cơ sở cho đề tài - Trình bày mạch lạc, rõ ràng.	cứu (các khái niệm, các lý thuyết...) - Xác định các khái niệm làm cơ sở cho đề tài. - Trình bày mạch lạc, rõ ràng.
<b>3.2. Cơ sở lý luận - Thiết kế nghiên cứu</b>	20%	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chưa xác định được đối tượng nghiên cứu</li> <li>- Có mô tả phương pháp xây dựng dữ liệu nghiên cứu nhưng không tương thích với mục tiêu.</li> <li>- Chưa đạt cỡ mẫu nghiên cứu.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xác định được đối tượng nghiên cứu.</li> <li>- Có mô tả phương pháp xây dựng dữ liệu nghiên cứu nhưng chưa rõ ràng.</li> <li>- Đạt cỡ mẫu nghiên cứu.</li> <li>- Có mô tả công cụ thực nghiệm.</li> <li>- Có mô tả phương pháp xử lý dữ liệu nghiên cứu nhưng chưa đầy đủ.</li> <li>- Dữ liệu nghiên cứu đầy đủ (định lượng và định tính).</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xác định được đối tượng nghiên cứu cụ thể, rõ ràng.</li> <li>- Có mô tả phương pháp xây dựng dữ liệu nghiên cứu rõ ràng.</li> <li>- Đạt cỡ mẫu nghiên cứu và mang tính đại diện.</li> <li>- Mô tả công cụ thực nghiệm chính xác, có tương thích với mục tiêu nghiên cứu.</li> <li>- Mô tả phương pháp xử lý dữ liệu nghiên cứu đầy đủ.</li> <li>- Tính khách quan, chính xác và khoa học của PP xử lý.</li> <li>- Lý giải về tính tương thích với giả thuyết nghiên cứu và mục tiêu nghiên cứu.</li> <li>- Dữ liệu nghiên cứu đầy đủ (định lượng và định tính).</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xác định được đối tượng nghiên cứu cụ thể, rõ ràng.</li> <li>- Mô tả phương pháp xây dựng dữ liệu nghiên cứu rõ ràng, tương thích với mục tiêu nghiên cứu.</li> <li>- Đạt cỡ mẫu nghiên cứu và mang tính đại diện.</li> <li>- Mô tả công cụ thực nghiệm chính xác, có tương thích với mục tiêu nghiên cứu.</li> <li>- Mô tả phương pháp xử lý dữ liệu nghiên cứu đầy đủ.</li> <li>- Tính khách quan, chính xác và khoa học của PP xử lý.</li> <li>- Lý giải về tính tương thích với giả thuyết nghiên cứu và mục tiêu nghiên cứu.</li> <li>- Dữ liệu nghiên cứu đầy đủ (định lượng và định tính)</li> <li>- Trình bày mạch lạc, rõ ràng.</li> </ul>



<p><b>3.3. Kết quả nghiên cứu</b></p>	<p>30%</p>	<p>Dữ liệu và kết quả nghiên cứu không tương thích với mục tiêu</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Có mô tả tiến trình thực hiện nghiên cứu.</li> <li>- xử lý dữ liệu nghiên cứu chưa rõ ràng.</li> <li>- Có trình bày kết quả nghiên cứu.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Có mô tả tiến trình thực hiện nghiên cứu.</li> <li>- Tính xác đáng của kết quả xử lý dữ liệu nghiên cứu.</li> <li>- Trình bày kết quả nghiên cứu chính xác.</li> <li>- Trình bày giới hạn có nghĩa của kết quả đề tài (các điều kiện để kết quả có giá trị).</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Mô tả tiến trình thực hiện nghiên cứu rõ ràng, logic.</li> <li>- Tính xác đáng của kết quả xử lý dữ liệu nghiên cứu.</li> <li>- Trình bày kết quả nghiên cứu chính xác, rõ ràng, súc tích.</li> <li>- Có đối chiếu với giả thuyết nghiên cứu và các kết quả nghiên cứu trước đây.</li> <li>- Trình bày giới hạn có nghĩa của kết quả đề tài (các điều kiện để kết quả có giá trị).</li> <li>- Trình bày mạch lạc, rõ ràng.</li> </ul>
<p><b>3.4. Giải pháp thực tế/khả thi</b></p>	<p>20%</p>	<p>Không khái quát được Giải pháp</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Khái quát được kết giải pháp</li> <li>- Nghiên cứu chưa có ý nghĩa thực tiễn</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Khái quát được Giải pháp</li> <li>- Nghiên cứu ý nghĩa thực tiễn</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Khái quát được giải pháp, mạch lạc, rõ ràng.</li> <li>- Nghiên cứu ý nghĩa thực tiễn có tính mới</li> <li>- Có thể ứng dụng các hướng nghiên cứu, khác từ kết quả này.</li> </ul>
<p><b>3.5. Kết luận- Ý nghĩa</b></p>	<p>5%</p>	<p>Không khái quát được kết quả nghiên cứu</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Khái quát được kết quả nghiên cứu</li> <li>- Nghiên cứu chưa có ý nghĩa thực tiễn</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Khái quát được kết quả nghiên cứu</li> <li>- Nghiên cứu ý nghĩa thực tiễn</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Khái quát được kết quả nghiên cứu, mạch lạc, rõ ràng.</li> <li>- Có thể khai thác các hướng nghiên cứu, khác từ kết quả này.</li> </ul>
<p><b>4. Các đặc trưng</b></p>	<p>5%</p>	<p>Không thể hiện Tính mới, lạ; độ</p>	<p>Thể hiện Tính mới, lạ; độ phức tạp</p>	<p>Thể hiện Tính mới, lạ; độ phức tạp của cấu trúc</p>	<p>Thể hiện Tính mới, lạ; độ phức tạp của cấu trúc vấn đề;</p>

		phức tạp của cấu trúc vấn đề	của cấu trúc vấn đề; Nghiên cứu chưa có ý nghĩa thực tiễn	vấn đề; Nghiên cứu có ý nghĩa thực tiễn	- Nghiên cứu ý nghĩa thực tiễn có tính mới - Có thể khai thác các hướng nghiên cứu, khác từ kết quả này.
<b>II</b>	<b>BÁO CÁO 30%</b>				
<b>Báo cáo</b>	100%	- Tác phong không phù hợp - Slide báo cáo khó theo dõi - Không hiểu rõ nội dung trình bày, không trả lời được các câu hỏi.	- Tác phong chuẩn mực. - slide báo cáo dễ nhìn - Hiểu vấn đề đang trình bày, trả lời chính xác <50% các câu hỏi.	- Tác phong chuẩn mực, tự tin, trình bày rõ ràng lưu loát. - slide báo cáo dễ nhìn - Hiểu rõ vấn đề đang trình bày, trả lời chính xác 50% các câu hỏi.	- Tác phong chuẩn mực, tự tin, trình bày rõ ràng lưu loát. - Silde báo cáo trình bày rõ ràng, logic, phản ánh cơ bản các nội dung báo cáo. - Hiểu rõ vấn đề đang trình bày, trả lời chính xác các câu hỏi.

## 8. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

Cấu trúc chương trình đảm bảo sự sắp xếp hợp lý, cân bằng ở từng học kỳ của năm học và từng khối kiến thức. Chương trình bố trí các môn học từ cơ bản đến nâng cao nhằm đảm bảo kiến thức được liên tục, mức độ tăng dần và đủ thời gian tích lũy kiến thức, rèn luyện kỹ năng, đạo đức, thái độ cần thiết để làm việc. Đồng thời chương trình cũng được thiết kế bảo đảm tính chuyên sâu cho từng lĩnh vực chuyên ngành và có khả năng mở rộng cho nhiều chuyên ngành khác nhau.

Nội dung chương trình bao gồm các khối kiến thức cơ bản, cơ sở, chuyên ngành tốt nghiệp có mức độ tăng dần được giảng dạy trong các môn học, đồng thời giúp người học nâng cao thêm các kỹ năng mềm, kỹ năng tin học, ngoại ngữ,... rèn luyện được tác phong, kỷ luật, an toàn lao động khi làm việc. Chương trình cũng đảm bảo tính linh hoạt giúp người học có thể chuyển đổi sang các ngành học khác ở năm thứ nhất, năm thứ hai hoặc học cùng lúc nhiều chương trình.

### 8.1. Thời gian đào tạo và Khối lượng kiến thức toàn khóa

Tổng thời gian đào tạo tập trung là : 4 năm, khối lượng kiến thức tích lũy cho toàn khóa tối thiểu là 130 tín chỉ, không bao gồm Giáo dục Thể chất (3 tín chỉ) và Giáo dục Quốc phòng (8 tín chỉ).

TT	TÊN HỌC PHẦN	Dự kiến điều chỉnh
	Thời gian đào tạo	4 năm
	Số học kỳ	8
	Chương trình đào tạo bắt đầu năm 2020-2021	Tín chỉ
<b>Tổng số tín chỉ</b>		<b>130</b>
1	<i>Kiến thức giáo dục đại cương</i>	30
2	<i>Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</i>	100
	Trong đó:	
	- Kiến thức cơ sở ngành bắt buộc	27
	- Kiến thức cơ sở ngành tự chọn	4
	- Kiến thức ngành bắt buộc	49
	- Kiến thức ngành tự chọn	8
3	<i>Thực tập, thực hiện khóa luận (hoặc tiểu luận và học phần thay thế)</i>	12

## 8.2. Danh mục học phần

### 8.2.1. Kiến thức giáo dục đại cương: 30 tín chỉ

Số TT	Mã học phần	Tên môn học	Tín chỉ	LT	TH
<i>Bắt buộc: 28 TC</i>					
1	0301001769	Triết học Mác – Lênin	3	3	
2	0301001825	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	2	2	
3	0301001826	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2	
4	0301001827	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2	
5	0301000665	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	
6	0301000946	Tiếng Anh định hướng Toeic 1	4	4	
7	0301000947	Tiếng Anh định hướng Toeic 2	4	4	
8	0301000667	Pháp luật đại cương	2	2	
9	0301001673	Tin học căn bản	3		3
10	0301000487	Tâm lý học đại cương	2	2	
11	0301000643	Xã hội học đại cương	2	2	
12	0301001035	Giáo dục thể chất 1 - Bóng chuyền**	1		1
13	0301001036	Giáo dục thể chất 1 - Bóng đá**			

Số TT	Mã học phần	Tên môn học	Tín chỉ	LT	TH
14	0301001037	Giáo dục thể chất 1 - Cầu lông**			
15	0301000660	Giáo dục thể chất 2 - Bóng chuyền**	1		1
16	0301001038	Giáo dục thể chất 2 - Bóng đá**			
17	0301001039	Giáo dục thể chất 2 - Cầu lông**			
18	0301001030	Giáo dục thể chất 3 - Bóng chuyền**	1		1
19	0301000661	Giáo dục thể chất 3 - Bóng đá**			
20	0301000662	Giáo dục thể chất 3 - Cầu lông**			
21	0301000650	Giáo dục Quốc phòng - An ninh (*)	8		8
Ghi chú: Các học phần (*) : không tích lũy					
<i>Tự chọn: 2 TC</i>					
22	0301000322	Môi trường và phát triển bền vững	2	2	
23	0301001654	Lịch sử văn minh thế giới	2	2	
		<b>Tổng cộng</b>	<b>30+11</b>	<b>29</b>	<b>1</b>

## 8.2.2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp

### A. Kiến thức cơ sở ngành : 31 tín chỉ

STT	Mã học phần	Tên môn học	Tín chỉ	LT	TH
<i>Bắt buộc: 27 TC</i>					
24	0301000579	Tổng quan du lịch	2	2	
25	0301000286	Lịch sử Việt Nam đại cương	3	3	
26	0301000060	Cơ sở văn hoá Việt Nam	2	2	
27	0301000416	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	2	
28	0301001770	Địa lý Việt Nam	2	2	
29	0301001790	<i>Quản lí nhà nước về du lịch</i>	2	2	
30	0301000486	Tâm lý du khách và nghệ thuật giao tiếp	2	2	
31	0301000227	Kinh tế du lịch	2	2	
32	0301000718	Y tế du lịch	2	2	
33	0301001829	Tiếng Anh chuyên ngành du lịch	4	4	
34	0301001909	Quản trị nhân sự (DL)	2	2	
35	0301001920	Văn hóa doanh nghiệp và đạo đức kinh doanh	2	2	

STT	Mã học phần	Tên môn học	Tín chỉ	LT	TH
<i>Tự chọn: 4 TC</i>					
36	0301000016	Các dân tộc Việt Nam	2	2	
37	0301001953	Gia đình, dòng họ, làng xã Việt Nam	2	2	
38	0301001472	Văn hóa ẩm thực Việt Nam	2	2	
39	0301000576	Tôn giáo, tín ngưỡng Việt Nam	2	2	
40	0301000090	Di tích và thắng cảnh Việt Nam	2	2	
41	0301000410	Phong tục, tập quán và lễ hội Việt Nam	2	2	
		<b>Tổng cộng</b>	<b>31</b>	<b>31</b>	

**B. Kiến thức chuyên ngành: 69 tín chỉ**

STT	Mã học phần	Tên môn học	Tín chỉ	LT	TH
<i>Bắt buộc: 49 TC</i>					
42	0301001910	Du lịch văn hóa Việt Nam	2	2	
43	0301000134	Du lịch sinh thái Việt Nam	2	2	
44	0301000601	Tuyển điểm du lịch Việt Nam	3	2	
45	0301001912	Thiết kế và điều hành tour du lịch	2	2	
46	0301000310	Marketing du lịch	2	2	
47	0301000095	Địa lí du lịch Việt Nam	2	2	
48	0301000465	Qui hoạch du lịch Việt Nam	2	2	
49	0301001914	Kỹ năng hoạt náo	2	2	
50	0301001806	Phát triển du lịch bền vững	2	2	
51	0301000094	Địa danh du lịch Việt Nam	2	2	
52	0301001916	Truyền thông và tiếp thị số trong du lịch	2	2	
53	0301001917	Ứng dụng CNTT trong du lịch	2	2	
54	0301000484	Tài nguyên và môi trường du lịch Việt Nam	2	2	
55	0301001918	Tổ chức sự kiện trong du lịch	2	2	
56	0301001943	Kỹ năng thuyết minh du lịch	2	2	
57	0301001339	Nghiệp vụ nhà hàng khách sạn du lịch	2	2	
58	0301002087	Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch	2	2	
59	0301001919	Thực hành nghiệp vụ hướng dẫn du lịch	2		2

STT	Mã học phần	Tên môn học	Tín chỉ	LT	TH
60	0301001915	Quản trị điểm đến du lịch	2	2	
61	0301001921	Quản trị kinh doanh lữ hành	2	2	
62	0301002522	Quản trị kinh doanh nhà hàng khách sạn	2	2	
63	0301001949	Niên luận du lịch	2		2
64	0301001924	Thực tế du lịch	4		4

Tự chọn: 8 TC

65	0301001925	Thủ tục xuất nhập cảnh	2	2	
66	0301001926	Bản đồ du lịch	2	2	
67	0301001927	Các loại hình du lịch hiện đại	2	2	
68	0301001928	Phát triển sản phẩm du lịch	2	2	
69	0301001929	Du lịch sông nước miệt vườn	2	2	
70	0301001930	Du lịch lịch biển đảo	2	2	
71	0301001931	Du lịch tôn giáo, tâm linh	2	2	
72	0301001932	Du lịch cộng đồng	2	2	
73	0301002523	Thực tập tốt nghiệp – DL	4		4
74	0301002524	Khóa luận tốt nghiệp – DL	8		8

**Ghi chú:**

Trường hợp sinh viên không thực hiện *Khóa luận tốt nghiệp* sẽ thực hiện *Tiểu luận tốt nghiệp* (4 TC) và học bổ sung 2 học phần (4 TC) trong danh mục các học phần tự chọn sau:

75	0301002525	Tiểu luận tốt nghiệp – DL	4		4
76	0301000089	Di sản văn hóa với phát triển du lịch	2	2	
77	0301001936	Các loại hình nghệ thuật biểu diễn ở Việt Nam	2	2	
78	0301001937	Marketing địa phương	2	2	
79	0301001342	Địa lý du lịch thế giới	2	2	
		<b>Tổng cộng</b>	<b>69</b>	<b>49</b>	<b>20</b>

**TỔNG CỘNG: 130 TC (Bắt buộc: 108, Tự chọn: 22) và 11 tín chỉ các HP điều kiện**

**8.3. Ma trận tích hợp học phần – chuẩn đầu ra chương trình:**

Mã học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo														
	LO 1	LO 2	LO 3	LO 4	LO 5	LO 6	LO 7	LO 8	LO 9	LO 10	LO 11	LO 12	LO 13	LO 14	LO 15
0301001769	3	1	1	1	1	1	1	1	2	1	1	2	1	1	2

0301001825	3	1	1	1	1	1	1	1	1	2	1	1	2	1	1	2
0301001826	3	1	1	1	1	1	1	1	1	2	1	1	2	1	1	2
0301001827	3	1	1	1	1	1	1	1	1	2	1	1	2	1	1	2
0301000665	3	1	1	1	1	1	1	1	1	2	1	1	2	1	1	2
0301000946	3	1	1	1	1	1	1	1	1	2	1	1	3	1	1	2
0301000947	1	1	2	1	1	1	1	1	1	2	3	3	2	1	1	2
0301000667	1	1	2	1	1	1	1	1	1	2	3	3	2	1	1	2
0301001673	1	1	3	1	1	1	1	1	1	2	3	2	1	1	1	2
0301000487	2	2	2	1	1	2	1	1	1	2	1	1	2	1	1	2
0301000643	3	1	1	1	1	1	1	1	1	2	1	1	1	1	1	2
0301001035	3	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	3	1	1	2
0301001036	3	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	2	1	1	2
0301001037	3	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	2	1	1	2
0301000660	3	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	2	1	1	2
0301001038	3	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	2	1	1	2
0301001039	3	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	2	1	1	2
0301001030	3	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	2	1	1	2
0301000661	3	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	2	1	1	2
0301000662	3	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	2	1	1	2
0301000650	1	3	2	2	2	2	2	2	2	2	1	2	2	2	2	2
0301000322	2	3	2	2	1	2	2	2	2	2	2	1	2	2	2	2
0301001654	1	2	2	2	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2
0301000579	2	3	2	2	1	2	2	2	2	2	2	1	2	2	2	2
0301000286	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2
0301000060	1	1	2	3	3	2	2	3	2	2	2	1	2	2	2	2
0301000416	1	2	2	3	2	2	2	2	2	2	2	1	2	2	2	2
0301001770	1	2	2	3	2	2	2	2	2	2	2	1	2	2	2	2
0301001790	1	2	2	3	2	2	2	2	2	2	2	1	2	2	2	2
0301000486	1	2	2	2	3	3	3	3	3	3	2	2	3	2	3	3
0301001908	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2
0301000718	1	2	2	2	2	3	2	2	3	2	2	2	2	3	3	2

0301001829	1	2	2	2	2	3	2	2	3	2	2	2	3	3	2
0301001909	1	2	2	2	2	3	2	2	3	2	2	2	3	3	2
0301001920	1	3	2	2	2	3	2	2	2	2	1	2	2	2	2
0301000016	1	2	3	2	2	2	2	2	3	2	2	2	2	3	2
0301001953	1	2	3	2	2	2	2	2	2	3	2	2	1	2	2
0301001472	1	2	2	2	1	2	2	2	2	1	1	2	2	2	2
0301000576	1	3	2	1	2	2	2	2	3	1	2	2	2	3	2
0301000090	1	1	2	3	3	3	2	3	2	2	2	2	2	2	2
0301000410	1	2	2	2	2	2	3	2	3	1	2	2	3	2	2
0301001910	1	2	2	3	3	3	2	2	2	2	2	2	2	2	2
0301000134	1	2	2	3	3	2	2	3	2	2	2	2	2	2	2
0301000601	1	2	2	3	3	3	2	3	2	1	1	2	2	2	2
0301001912	1	2	2	3	3	2	3	3	2	2	2	2	2	2	2
0301000310	1	2	2	3	3	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2
0301000095	1	2	2	2	2	2	2	3	2	2	3	2	2	2	2
0301000465	1	2	2	2	2	3	2	2	3	2	2	2	2	2	2
0301001914	1	2	2	3	3	3	2	3	2	2	2	2	2	2	2
0301001806	1	2	2	3	2	3	3	3	3	2	2	3	3	3	2
0301000094	1	2	2	3	2	3	3	3	2	2	2	3	3	3	2
0301001916	1	2	2	2	2	3	3	3	3	2	2	2	2	2	3
0301001917	1	2	2	2	3	3	3	3	3	2	2	3	3	3	2
0301000484	1	2	2	3	3	2	3	3	3	2	2	3	3	3	2
0301001918	1	2	2	3	3	3	3	3	3	2	2	3	3	3	2
0301001943	1	2	2	3	3	2	2	3	2	2	1	2	2	2	2
0301001339	1	2	2	3	3	2	3	2	3	2	2	3	3	3	2
0301002087	1	2	3	3	2	2	2	2	2	2	3	2	2	2	2
0301001919	1	2	2	3	3	2	2	3	2	2	2	2	2	2	2
0301001915	1	2	3	2	2	2	2	2	2	3	2	2	2	2	2
0301001921	1	1	2	2	2	2	2	2	2	2	1	2	2	2	2
0301002522	1	3	1	2	2	3	2	2	3	1	1	2	2	3	2
0301001949	1	2	2	3	3	3	2	3	3	1	1	2	2	3	2



0301001924	1	2	2	2	2	2	2	2	3	2	1	2	2	2	2
0301001925	1	2	3	2	2	2	2	2	2	3	2	2	2	2	2
0301001926	1	3	2	2	2	3	2	2	2	1	1	2	2	2	2
0301001927	1	2	1	2	2	2	3	2	3	1	2	3	3	2	3
0301001928	1	2	2	3	3	3	2	2	2	1	1	2	2	2	3
0301001929	1	3	1	3	3	3	3	3	3	1	2	2	3	2	2
0301001930	1	2	2	2	2	3	3	2	3	1	2	2	3	2	2
0301001931	1	2	2	2	2	3	3	2	3	1	2	2	3	2	3
0301001932	1	2	2	3	3	2	2	3	2	1	1	3	2	3	2
0301002523	1	2	2	3	3	2	2	3	2	2	1	2	2	3	3
0301002524	1	2	2	3	3	2	2	3	2	2	1	2	2	3	3
0301002525	1	3	1	3	3	3	3	3	3	1	2	2	3	2	2
0301000089	1	2	2	3	3	2	2	3	2	2	1	2	2	3	3
0301001936	1	2	2	3	3	2	2	3	2	2	1	2	2	3	3
0301001937	1	3	1	3	3	3	3	3	3	1	2	2	3	2	2
0301001342	1	2	2	3	3	3	2	3	3	1	1	2	2	3	2

### 9. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY: (dự kiến)

TT	Tên học phần	Số TC	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH
<b>HỌC KỲ 1: 13+9 TC</b>						
<b>Bắt buộc: 13+9 TC</b>						
1	Pháp luật đại cương	2	2		30	
2	Tin học căn bản	3	3		30	30
3	Giáo dục thể chất 1* - Bóng chuyền	1	1			30
	Giáo dục thể chất 1 - Bóng đá**					
	Giáo dục thể chất 1 - Cầu lông**					
4	Tâm lý học đại cương	2	2		30	
5	Xã hội học đại cương	2	2		30	
6	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	2		45	
7	Tổng quan du lịch	2	2		30	
8	Giáo dục Quốc phòng - An ninh*	8	8			240

Cộng		13+9	13+9		195	300
<b>HỌC KỲ 2: 18+1 TC</b>						
<b>Bắt buộc: 16+1 TC</b>						
1	Triết học Mác - Lênin	3	3		45	
2	Tiếng Anh định hướng Toeic 1	4	4		60	
3	Giáo dục thể chất 2* - Bóng chuyền	1	1			30
	Giáo dục thể chất 2 - Bóng đá**					
	Giáo dục thể chất 2 - Cầu lông**					
4	Địa lí Việt Nam	2	2		30	
5	Lịch sử VN đại cương	3	3		45	
6	Địa lí du lịch Việt Nam	2	2		30	
7	Kinh tế du lịch	2	2		30	
<b>Tự chọn: 2 TC</b>						
8	Môi trường và phát triển bền vững	2		2	30	
	Lịch sử văn minh thế giới	2		2	30	
<b>Cộng</b>		<b>18+1</b>	<b>16+1</b>	<b>2</b>	<b>270</b>	<b>30</b>
<b>HỌC KỲ 3: 18+1 TC</b>						
<b>Bắt buộc: 16+1 TC</b>						
1	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2		30	
2	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2		30	
3	Tiếng Anh định hướng Toeic 2	4	4		60	
4	Giáo dục thể chất 3 - Bóng chuyền**	1	1			30
	Giáo dục thể chất 3 - Bóng đá**					
	Giáo dục thể chất 3 - Cầu lông**					
5	Du lịch văn hóa Việt Nam	2	2		30	
6	Phương pháp nghiên cứu khoa học - du lịch	2	2		30	
7	Quản trị nhân sự (DL)	2	2		30	
8	Du lịch sinh thái Việt Nam	2	2		30	
<b>Tự chọn: 2 TC</b>						
	Các dân tộc Việt Nam	2		2	30	
	Gia đình, dòng họ, làng xã Việt Nam	2		2	30	
	Văn hóa ẩm thực Việt Nam	2		2	30	
<b>Cộng</b>		<b>18+1</b>	<b>16+1</b>	<b>2</b>	<b>270</b>	<b>30</b>

**HỌC KỲ 4: 17 TC****Bắt buộc: 15 TC**

1	Lịch sử Đảng Cộng sản VN	2	2		30	
2	Tiếng Anh chuyên ngành du lịch	4	4		45	30
3	Quản lí nhà nước về du lịch	2	2		30	
4	Tâm lí du khách và nghệ thuật giao tiếp	2	2		30	
5	Tuyển điểm du lịch Việt Nam	3	3		45	
6	Tài nguyên và môi trường du lịch VN	2	2		30	

**Tự chọn: 2 TC**

7	Tôn giáo và tín ngưỡng Việt Nam	2		2	30	
	Di tích và thắng cảnh Việt Nam	2		2	30	
	Phong tục, tập quán và lễ hội Việt Nam	2			30	
	<b>Cộng</b>	<b>17</b>	<b>15</b>	<b>2</b>	<b>240</b>	<b>30</b>

**HỌC KỲ 5: 18 TC****Bắt buộc: 16 TC**

1	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2		30	
2	Kỹ năng hoạt náo	2	2		30	
3	Văn hóa doanh nghiệp và đạo đức kinh doanh	2	2		30	
4	Kỹ năng thuyết minh du lịch	2	2		30	
5	Thiết kế và điều hành tour	2	2		30	
6	Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch	2	2		30	
7	Thực hành nghiệp vụ hướng dẫn du lịch	2	2			60
8	Địa danh du lịch Việt Nam	2	2		30	

**Tự chọn: 2 TC**

9	Thủ tục xuất nhập cảnh	2		2	30	
	Bản đồ du lịch	2		2	30	
	<b>Cộng</b>	<b>18</b>	<b>16</b>	<b>4</b>	<b>240</b>	<b>60</b>

**HỌC KỲ 6: 18 TC****Bắt buộc: 16 TC**

1	Marketing du lịch	2	2		30	
---	-------------------	---	---	--	----	--

2	Quy hoạch du lịch Việt Nam	2	2		30	
3	Ứng dụng CNTT trong du lịch	2	2		15	30
4	Quản trị điểm đến du lịch	2	2		30	
5	Y tế du lịch	2	2		15	30
6	Tổ chức sự kiện trong du lịch	2	2		15	15
7	Niên luận du lịch	2			30	60
8	Truyền thông và tiếp thị số trong du lịch	2	2		30	
<b>Tự chọn: 2 TC</b>						
9	Các loại hình du lịch hiện đại	2		2	30	
	Phát triển sản phẩm du lịch	2		2	30	
	<b>Cộng</b>	<b>18</b>	<b>16</b>	<b>2</b>	<b>225</b>	<b>135</b>
<b>HỌC KỲ 7: 16 tín chỉ</b>						
<b>Bắt buộc: 12 TC</b>						
1	Nghiep vụ nhà hàng khách sạn	2	2		30	
2	Quản trị kinh doanh lữ hành	2	2		30	
3	Quản trị kinh doanh nhà hàng khách sạn	2	2		30	
4	Phát triển du lịch bền vững	2	2		30	
5	Thực tế du lịch	4	4			120
<b>Tự chọn: 4 TC</b>						
6	Du lịch sông nước miệt vườn	2		2	15	30
	Du lịch cộng đồng	2		2	15	30
7	Du lịch biển đảo VN	2		2	15	30
	Du lịch tôn giáo, tâm linh VN	2		2	15	30
	<b>Tổng</b>	<b>16</b>	<b>12</b>	<b>4</b>	<b>150</b>	<b>240</b>
<b>HỌC KỲ 8: 12 TC</b>						
1	Thực tập tốt nghiệp - DL	4	4			120
2	Khoá luận tốt nghiệp – DL (*)	8		8		240
<b>Ghi chú:</b>						
Trường hợp sinh viên không làm <i>Khoá luận tốt nghiệp</i> sẽ thực hiện <i>Tiểu luận tốt nghiệp</i> (4 TC) và học bổ sung 2 học phần (4 TC) trong danh mục các học phần tự chọn sau:						
3	Tiểu luận tốt nghiệp	4		4		120
4	Di sản văn hóa với phát triển du lịch	2		2		

5	Các loại hình nghệ thuật biểu diễn ở Việt Nam	2		2		
6	Marketing địa phương	2		2		
7	Địa lý du lịch thế giới	2		2		
	<b>Cộng</b>	<b>12</b>	<b>4</b>	<b>8</b>		

**Ghi chú: \*\*:** Các học phần điều kiện, không tính điểm trung bình chung tích lũy.

## **10. TÓM TẮT NỘI DUNG HỌC PHẦN**

### **10.1. Triết học Mác - Lênin**

Học phần là phần thứ nhất của môn học Những Nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin. Nội dung của môn học bao gồm 4 chương, nghiên cứu những quy luật vận động, phát triển chung nhất của tự nhiên, xã hội và tư duy; xây dựng thế giới quan, phương pháp luận khoa học, cách mạng, vận dụng vào hoạt động nhận thức khoa học và thực tiễn cách mạng.

### **10.2. Kinh tế chính trị Mác-Lênin**

Nội dung học phần bao gồm 6 chương: Trong đó chương 1 trình bày về đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của kinh tế chính trị Mác – Lênin. Từ chương 2 đến chương 4 trình bày nội dung cốt lõi của chủ nghĩa Mác –Lênin về hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể trong nền kinh tế thị trường; Giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường. Chương 5 và chương 6 trình bày những vấn đề chủ yếu về kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam; Công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.

### **10.3. Chủ nghĩa xã hội khoa học**

Học phần có 7 chương, gồm những tri thức lý luận về chủ nghĩa xã hội khoa học và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học cung cấp cho người học: đối tượng, mục đích, yêu cầu, phương pháp học tập, nghiên cứu môn học; quá trình hình thành, phát triển CNXH; sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; CNXH và các vấn đề xã hội, giai cấp, dân tộc, tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên CNXH.

Sau khi học xong người học có được năng lực hiểu biết thực tiễn và khả năng vận dụng các tri thức về chủ nghĩa xã hội vào việc xem xét, đánh giá những vấn đề chính trị - xã hội của đất nước liên quan đến CNXH và con đường đi lên CNXH ở nước ta. Người học lý giải và có thái độ đúng đắn với con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

### **10.4. Lịch sử đảng cộng sản Việt Nam**

Bao gồm những nội dung cơ bản của Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, giúp cho sinh viên hiểu biết một cách có hệ thống và tương đối toàn diện về sự ra đời, về sứ mệnh lịch sử, tổ chức và lãnh đạo cách mạng của Đảng (bằng Cương lĩnh, chiến lược các định

hướng lớn về chính sách chủ trương công tác tuyên truyền, vận động, kiểm tra, tổ chức quần chúng đấu tranh, bằng hành động tiên phong gương mẫu của cán bộ đảng viên...)

### **10.5. Tư tưởng Hồ Chí Minh**

Nội dung học phần: Nội dung học phần trình bày về khái niệm, nguồn gốc, quá trình hình thành, nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh. Qua đó cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc; Tư tưởng Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội và con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội tại Việt Nam; Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam; Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết toàn dân tộc và quốc tế; Tư tưởng Hồ Chí Minh về dân chủ và xây dựng Nhà nước của dân, do dân, vì dân; Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa, đạo đức và xây dựng con người mới.

### **10.6. Pháp luật đại cương**

Học phần trang bị cho sinh viên những vấn đề lý luận chung về nhà nước và pháp luật như: nguồn gốc nhà nước, khái niệm, bản chất nhà nước, chức năng nhà nước, hình thức nhà nước; nguồn gốc, khái niệm, bản chất, chức năng và vai trò của pháp luật, các kiểu và hình thức pháp luật; quy phạm pháp luật và hệ thống pháp luật; quan hệ pháp luật; vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý.

### **10.7. Tiếng Anh định hướng Toeic 1**

Học phần giúp cho người học ôn lại kiến thức cơ bản về ngữ pháp, sử dụng được trong giao tiếp hàng ngày cũng như một số từ vựng tiếng Anh thương mại, các kỹ năng nghe – nói – đọc - viết ở trình độ sơ cấp, các kỹ năng phụ như từ vựng, phát âm.

### **10.8. Tiếng Anh định hướng Toeic 2**

Học phần giúp cho người học ôn lại kiến thức cơ bản về ngữ pháp, sử dụng được trong giao tiếp hàng ngày cũng như một số từ vựng tiếng Anh thương mại, các kỹ năng nghe – nói – đọc - viết ở trình độ sơ cấp, các kỹ năng phụ như từ vựng, phát âm, giúp sinh viên làm quen với hình thức đề thi Toeic quốc tế.

### **10.9. Tin học căn bản**

Môn học cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản nhất về công nghệ thông tin. Thông qua lý thuyết và thực hành, rèn luyện cho sinh viên các kỹ năng:

Sử dụng hệ điều hành Windows: Những hiểu biết cơ bản về tin học, thông tin và cách biểu diễn thông tin trong máy tính; Hệ thống máy tính với phần cứng, phần mềm và dữ liệu; Các khái niệm về hệ điều hành; Sử dụng hệ điều hành Windows; Sử dụng tiếng Việt trong windows, cách bảo vệ thông tin và phòng chống virus máy tính.

Soạn thảo văn bản bằng Microsoft Word, Xử lý bảng tính bằng Microsoft Excel. Trình bày báo cáo bằng Microsoft PowerPoint, Sử dụng Internet và E-mail : Trình bày hai dịch vụ quan trọng nhất là WEB và E-MAIL nhằm giúp sinh viên tìm kiếm và trao đổi thông tin trên internet.

### **10.10. Tâm lý học đại cương**

Môn tâm lý học đại cương trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về đời sống tâm lý của con người. Trên cơ sở đó, người học có thể vận dụng để hình thành và phát triển khả năng tư duy, rèn luyện trí nhớ, trí thông minh, trí tuệ cảm xúc và tính sáng tạo. Đồng thời giúp cho người học hình thành những phẩm chất nhân cách là cơ sở để họ có thể giải quyết các vấn đề nảy sinh trong cuộc sống cũng như trong hoạt động nghề nghiệp sau này.

### **10.11. Xã hội học đại cương**

Xã hội học là ngành khoa học nghiên cứu các quy luật và quá trình xã hội của các sự kiện, hiện tượng xã hội thể hiện trong hoạt động của các nhóm xã hội bằng các phương pháp định lượng. Đối với xã hội học, mọi cái không phải hình như hay chúng có vẻ là... Từ sự trình bày, phân tích các khái niệm cơ bản như cơ cấu xã hội, phân tầng xã hội, nhóm xã hội, thiết chế xã hội..., cung cấp tri thức, hiểu biết về quy trình tiến hành một cuộc điều tra xã hội học, về các phương pháp thu thập thông tin, môn học đi sâu vào nghiên cứu một số lĩnh vực chuyên biệt như: Xã hội học tội phạm, xã hội học về dư luận xã hội, xã hội học đô thị, xã hội học nông thôn và xã hội học gia đình. Trên cơ sở những thành tựu khoa học về tri thức và công nghệ đã đạt được, xã hội học trang bị cho người học những tri thức khoa học về các lĩnh vực xã hội và kỹ năng vận dụng chúng vào việc nghiên cứu, giải quyết những vấn đề mà thực tiễn cuộc sống đặt ra.

### **10.12. Giáo dục quốc phòng – An ninh**

Giáo dục hiểu rõ nhiệm vụ bảo vệ tổ quốc xây dựng nền quốc phòng toàn dân là một trong hai nhiệm vụ chiến lược của nước ta hiện nay, về chiến lược “diễn biến hoà bình” bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam. Một số vấn đề tư duy lý luận trong đường lối quân sự của Đảng. Một số nội dung cơ bản về công tác quốc phòng, về nghệ thuật quân sự Việt Nam, thực hành một số kỹ năng quân sự cần thiết về kỹ thuật và chiến thuật. Rèn luyện tác phong, nếp sống tập thể có kỷ luật.

### **10.13. Nội dung học phần bóng đá cơ bản**

Học phần môn bóng đá giúp cho sinh viên có kiến thức về nguồn gốc hình thành và phát triển môn bóng đá. Sinh viên sau khi học sẽ nắm vững các yếu lĩnh kỹ thuật của môn bóng đá như dẫn bóng, tâng bóng, sút bóng, chuyền bóng. Các kỹ thuật này sẽ giúp sinh viên tự tập luyện để nâng cao sức khỏe và hướng dẫn người khác cùng tập luyện. Ngoài ra, học phần này cũng giúp sinh viên có kiến thức về luật thi đấu môn bóng đá.

### **10.14. Nội dung học phần cầu lông cơ bản**

Học phần môn cầu lông giúp cho sinh viên có kiến thức về nguồn gốc hình thành và phát triển môn cầu lông thế giới và Việt Nam. Sinh viên sau khi học xong chương trình môn cầu lông cơ bản sẽ nắm vững các yếu lĩnh kỹ thuật như di chuyển đơn bước và đa bước, kỹ thuật giao cầu trái tay, kỹ thuật phòng thủ cơ bản... Các kỹ thuật này sẽ giúp sinh

viên tự tập luyện để nâng cao sức khỏe và hướng dẫn người khác cùng tập luyện. Ngoài ra, học phần này cũng giúp sinh viên có kiến thức về luật thi đấu môn cầu lông.

#### **10.15. Nội dung học phần môn bóng chuyền cơ bản**

Kỹ năng thực hành: Kỹ thuật đệm bóng cơ bản và nâng cao, chuyền bóng cơ bản và nâng cao, phát bóng cơ bản và nâng cao, kỹ thuật di chuyển cơ bản trong môn bóng chuyền, kỹ năng phán đoán và đánh bóng chuẩn xác. Hiểu được một số luật cơ bản và phương pháp trọng tài

#### **10.16. Nội dung học phần môn bóng chuyền nâng cao 1**

Kỹ năng thực hành: Kỹ thuật đệm bóng cơ bản và nâng cao, chuyền bóng cơ bản và nâng cao, phát bóng cơ bản và nâng cao, kỹ thuật di chuyển cơ bản trong môn bóng chuyền, kỹ năng phán đoán và đánh bóng chuẩn xác.

- Lý thuyết: Hiểu được lịch sử phát triển và luật thi đấu của môn bóng chuyền

#### **10.17. Nội dung học phần môn bóng đá nâng cao 1**

Học phần môn bóng đá giúp cho sinh viên có kiến thức về nguồn gốc hình thành và phát triển môn bóng đá. Sinh viên sau khi học sẽ nắm vững các yếu lĩnh kỹ thuật của môn bóng đá như dẫn bóng, tâng bóng, sút bóng, nhận bóng, chụp bóng. Các kỹ thuật này sẽ giúp sinh viên tự tập luyện để nâng cao sức khỏe và hướng dẫn người khác cùng tập luyện. Ngoài ra, học phần này cũng giúp sinh viên có kiến thức về chiến thuật thi đấu và luật thi đấu môn bóng đá

#### **10.18. Nội dung học phần môn cầu lông nâng cao 1**

Giúp cho sinh viên giúp có thể thực hành một số kỹ thuật nâng cao trong môn cầu lông như: Đánh cầu thuận tay cao sâu, đập cầu. Các kỹ thuật này sẽ giúp sinh viên tự tập luyện để nâng cao sức khỏe và hướng dẫn người khác cùng tập luyện

#### **10.19. Nội dung học phần môn bóng chuyền nâng cao 2**

- Kỹ năng thực hành: Phát triển hoàn thiện kỹ thuật đập bóng cơ bản, hình thức thi đấu, khả năng tổ chức và điều hành trận đấu.

- Lý thuyết: Hiểu được một số luật cơ bản và phương pháp trọng tài

#### **10.20. Nội dung học phần môn bóng đá nâng cao 2**

Học phần môn bóng đá giúp cho sinh viên có kiến thức về nguồn gốc hình thành và phát triển môn bóng đá. Sinh viên sau khi học sẽ nắm vững các yếu lĩnh kỹ thuật của môn bóng đá như dẫn bóng, tâng bóng, sút bóng, ném biên. Các kỹ thuật này sẽ giúp sinh viên tự tập luyện để nâng cao sức khỏe và hướng dẫn người khác cùng tập luyện. Ngoài ra, học phần này cũng giúp sinh viên có kiến thức về chiến thuật thi đấu và phương pháp tổ chức thi đấu môn bóng đá.

#### **10.21. Nội dung học phần môn cầu lông nâng cao 2**

Học phần môn cầu lông giúp cho sinh viên có kiến thức về nguồn gốc hình thành và phát triển môn cầu lông thế giới và Việt Nam. Sinh viên sau khi học xong chương trình



môn cầu lông nâng cao 2 sẽ nắm vững các yếu lĩnh kỹ thuật đã học đồng thời hoàn thiện các kỹ thuật đó và có thể thi đấu nâng cao trình độ kỹ thuật. Các kỹ thuật này sẽ giúp sinh viên tự tập luyện để nâng cao sức khỏe và hướng dẫn người khác cùng tập luyện. Ngoài ra, học phần này cũng giúp sinh viên có kiến thức rõ hơn về luật thi đấu môn cầu lông.

#### **10.22. Môi trường và phát triển bền vững**

Học phần cung cấp các khái niệm, định nghĩa cơ bản về môi trường, ô nhiễm môi trường, đa dạng sinh học, tài nguyên, phát triển, tình hình chung về các nguồn tài nguyên đất, nước, không khí trên thế giới cũng như ở Việt Nam. Những nguyên nhân và hệ quả của việc suy thoái các nguồn tài nguyên thiên nhiên, và vai trò của con người trong việc bảo vệ các nguồn tài nguyên thiên nhiên. Mối quan hệ giữa môi trường và phát triển

#### **10.23. Lịch sử văn minh thế giới**

Lịch sử văn minh thế giới bao gồm hệ thống kiến thức về quá trình hình thành, phát triển của các nền văn minh tiêu biểu trong lịch sử nhân loại: văn minh phương Đông (Ai Cập, Lưỡng Hà, Trung Hoa, Ấn Độ, Ả Rập), văn minh phương Tây (Hy Lạp, La Mã, Tây Âu) và nền văn minh cận - hiện đại.

#### **10.24. Tổng quan du lịch**

Nội dung học phần Tổng quan du lịch bao gồm các vấn đề liên quan: thuật ngữ và các khái niệm. Lịch sử hình thành và phát triển ngành du lịch. Nhu cầu và đặc điểm của sản phẩm du lịch. Động cơ và phân loại hoạt động du lịch. Điều kiện để phát triển du lịch, mối quan hệ giữa du lịch và các vấn đề trong kinh tế - xã hội. Du lịch bền vững và tổ chức quản lý du lịch.

#### **10.25. Lịch sử Việt Nam đại cương**

Hệ thống lại cho sinh viên kiến thức cơ bản về lịch sử Việt Nam từ nguồn gốc đến đương đại trên cơ sở những nội dung chính của từng thời kỳ lịch sử, những sự kiện nổi bật của từng thời kỳ và những chuyển biến của từng giai đoạn lịch sử ấy.

#### **10.26. Cơ sở văn hóa Việt Nam**

Môn học cung cấp hai khối kiến thức cơ bản: phần thứ nhất cung cấp cho sinh viên các tri thức lí luận căn bản về văn hóa và văn hóa học; bao gồm các vấn đề cơ bản như khái niệm, định nghĩa về văn hóa, đặc trưng, chức năng của văn hóa, cấu trúc và loại hình văn hóa... Phần thứ 2 cung cấp các tri thức cơ bản về văn hóa Việt Nam: diễn trình văn hóa Việt Nam, thành tố cơ bản của văn hóa, các vùng văn hóa Việt Nam, văn hóa và phát triển ở Việt Nam hiện nay.

#### **10.27. Phương pháp nghiên cứu khoa học**

Học phần phương pháp nghiên cứu khoa học được tổ chức giảng dạy theo 3 phần kiến thức: (1) tổng quan về phương pháp nghiên cứu khoa học, (2) nghiên cứu định tính, (3) nghiên cứu định lượng, (4) vận dụng nghiên cứu khoa học vào thực tế.

### **10.28. Địa lý Việt Nam**

Môn học này nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức về địa lí kinh tế của Việt Nam, để sinh viên có thể hiểu hơn về tình hình phát triển kinh tế qua từng thời kỳ. Nội dung chính của học phần là: Vị trí địa lý và phạm vi lãnh thổ VN, đặc điểm của thiên nhiên nhiệt đới gió mùa của VN, vấn đề khai thác sử dụng và bảo vệ môi trường, tài nguyên thiên nhiên, những vấn đề về dân số và lao động VN, chuyển dịch cơ cấu kinh tế VN, thực trạng và định hướng phát triển các ngành kinh tế, vấn đề phát triển kinh tế trong các vùng của VN.

### **10.29. Quản lý nhà nước về du lịch**

Khái quát về lịch sử quản lý về du lịch của nhà nước, các nội dung cơ bản về du lịch và quản lý nhà nước; những nguyên tắc trong quản lý Cơ cấu tổ chức và quản trị nguồn nhân lực của doanh nghiệp lữ hành, chính sách và nguyên tắc phát triển du lịch, tài nguyên du lịch, phát triển sản phẩm du lịch và quy hoạch về du lịch, quản lý nhà nước trên các lĩnh vực lữ hành, lưu trú, vận chuyển, nhân lực du lịch, xúc tiến quảng bá, những qui định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực du lịch.

### **10.30. Tâm lý du khách và nghệ thuật giao tiếp**

Học phần đề cập đến các cơ sở tâm lý của du khách, đặc điểm tâm lý của du khách; những vấn đề chung của giao tiếp trong du lịch, những kỹ năng trong giáo tiếp du lịch, những phẩm chất cần có của người hướng dẫn viên du lịch. Sau khi học học phần này, sinh viên có cơ sở khoa học để hiểu tâm lý du khách và những chỉ dẫn về giao tiếp văn minh của hướng dẫn viên du lịch

### **10.31. Kinh tế du lịch**

Môn học cung cấp cho sinh viên các khái niệm về du lịch và kinh tế du lịch, mối quan hệ giữa kinh tế và du lịch hiện nay; các vấn đề cơ bản của thị trường du lịch, sản phẩm du lịch và các đặc điểm cơ bản của nó; các điều kiện để phát triển du lịch ở một điểm đến; tính thời vụ trong du lịch và các tác động của nó đến hoạt động kinh doanh du lịch; mối tương tác qua lại giữa du lịch và các hiện tượng kinh tế – xã hội.

### **10.32. Y tế du lịch**

Trong thời đại hiện nay, lĩnh vực chăm sóc Y tế đang được quan tâm ở mọi lúc mọi nơi. Đặc biệt trong ngành hướng dẫn du lịch, ngoài việc mang lại niềm vui, sự hứng thú cho du khách người hướng dẫn viên cần phải quan tâm đến sức khỏe nhằm mang lại cảm giác an toàn cho khách du lịch. Đồng thời, trong một chuyến du lịch, hướng dẫn viên du lịch còn phải xử lý được những tình huống bất thường xảy ra liên quan đến sức khoẻ của du khách. Học phần này hướng dẫn các kỹ thuật sơ cấp cứu căn bản, các tình huống bệnh thường gặp, hay các tai nạn có thể xảy ra trong chuyến đi và hướng xử trí cho từng trường hợp nhằm mục đích duy trì sự an toàn cho du khách trong chuyến đi du lịch.

### **10.33. Tiếng Anh chuyên ngành du lịch**

Học phần trang bị cho người học những nội dung cơ bản và nâng cao về ngôn ngữ tiếng Anh dùng trong du lịch, khách sạn và lữ hành. Học phần tập trung vào các thuật ngữ Tiếng Anh dùng trong du lịch. Học phần tập trung vào các thuật ngữ chuyên môn cũng như cấu trúc ngữ pháp tiếng Anh được sử dụng trong giao tiếp, kinh doanh và thư điện tử. Ngoài ra, học phần còn tập trung cho người học luyện tập và thực hành trong công nghiệp du lịch.

### **10.34. Quản trị nhân sự (DL)**

Môn học này cung cấp cho sinh viên những nội dung quản trị nguồn nhân lực, cũng như tổ chức hiệu quả bộ máy tổ chức trong kinh doanh du lịch. Phân tích công việc, cách xây dựng bảng mô tả công việc, thu hút và tuyển dụng nhân sự, đào tạo, đánh giá và phát triển nhân lực trong du lịch. Vận dụng được kiến thức để sử dụng có hiệu quả nguồn nhân lực của du lịch trong môi trường kinh doanh quốc tế hóa ngày nay.

### **10.35. Văn hóa doanh nghiệp và đạo đức trong kinh doanh**

Học phần được tổ chức giảng dạy theo 5 phần kiến thức: (1) Đạo đức và vấn đề đạo đức trong kinh doanh, (2) Các triết lý đạo đức trong kinh doanh, (3) Phương pháp và công cụ phân tích hành vi đạo đức trong kinh doanh, (4) Văn hóa doanh nghiệp, (5) Tạo lập bản sắc văn hóa doanh nghiệp.

Trên cơ sở thông đạt kiến thức 5 phần trên, vận dụng để giải quyết các tình huống liên quan nhằm định hướng ứng dụng bài học vào thực tế môi trường doanh nghiệp, nhằm góp phần giải quyết các vấn đề liên quan đến đạo đức kinh doanh, trách nhiệm xã hội và văn hóa của doanh nghiệp.F

### **10.36. Các dân tộc Việt Nam**

Học phần giới thiệu những khái niệm cơ bản (dân tộc học, nhân học, dân tộc, tộc người, quốc gia dân tộc...), những kiến thức cơ bản về đặc điểm của các tộc người (dân tộc) và các vùng tộc người ở Việt Nam; những kiến thức cơ bản và phương pháp nghiên cứu Dân tộc học về một tộc người; có khả năng vận dụng các kiến thức về các tộc người và vùng tộc người vào việc hướng dẫn du lịch, xây dựng các dự án phát triển du lịch ở các tộc người, vùng miền núi và dân tộc thiểu số; bước đầu làm quen với việc nghiên cứu các tộc người.

### **10.37. Gia đình, dòng họ, làng xã Việt Nam**

Môn học cung cấp cho sinh viên kiến thức về bản sắc dân tộc Việt Nam bao gồm những giá trị bền vững, những tinh hoa được vun đắp qua lịch sử hàng ngàn năm đấu tranh dựng nước và giữ nước - đó là lòng yêu nước, ý thức dân tộc, lòng nhân ái, trọng nghĩa, cần cù sáng tạo... Những giá trị truyền thống đó được kế thừa qua các thế hệ, làm nên bản sắc riêng của văn hóa Việt Nam mà trong đó không thể phủ nhận văn hóa gia đình, dòng họ, làng xã qua các thời kỳ lịch sử.

### **10.38. Văn hóa ẩm thực Việt Nam**

Học phần Văn hóa ẩm thực Việt Nam cung cấp cho SV kiến thức: (1) Những vấn đề chung về văn hóa ẩm thực, (2) Tập quán và khẩu vị ăn uống, (3) Văn hóa ẩm thực miền Bắc, (4) Văn hóa ẩm thực miền Trung, (5) Văn hóa ẩm thực miền Nam, (6) Văn hóa ẩm thực một số quốc gia trên thế giới. Học phần cung cấp những hiểu biết cơ bản về các khái niệm về ẩm thực, đặc trưng, các yếu tố ảnh hưởng đến tập quán và khẩu vị ăn uống của Việt Nam, đặc trưng ẩm thực, món ăn đặc biệt của từng vùng miền cũng như những đặc trưng cơ bản của ẩm thực một số nước trên thế giới.

### **10.39. Tôn giáo và tín ngưỡng Việt Nam**

Học phần gồm các nội dung về đặc điểm chung của tín ngưỡng và tôn giáo ở Việt Nam; giới thiệu một số tín ngưỡng và tôn giáo tiêu biểu; nêu một số vai trò và chức năng của tôn giáo, tín ngưỡng đối với con người và xã hội; và làm rõ ứng xử của Nhà nước đối với tín ngưỡng, tôn giáo thông qua hệ thống chính sách và pháp luật.

### **10.40. Di tích và thắng cảnh Việt Nam**

Học phần cung cấp cho sinh viên những nội dung: Đặc điểm và vai trò của hệ thống di tích, danh thắng Việt Nam; Hệ biểu tượng trong hệ thống di tích danh thắng Việt Nam; Một số di tích danh thắng tiêu biểu Bắc bộ; Một số di tích danh thắng tiêu biểu Trung bộ; Một số di tích danh thắng tiêu biểu Nam bộ; Giải pháp bảo tồn và phát triển di tích danh thắng.

### **10.41. Phong tục tập quán và lễ hội Việt Nam**

Môn học cung cấp cho sinh viên những vấn đề chung về phong tục, tín ngưỡng và lễ hội dân gian. Trên cơ sở đó, trình bày những kiến thức cơ bản nhất về sự hình thành và phát triển của phong tục, tín ngưỡng và lễ hội Việt Nam, những dấu ấn về phong tục, tín ngưỡng, lễ hội qua các vùng miền của đất nước. Từ đó, rút ra những đặc điểm nổi bật của phong tục, tín ngưỡng và lễ hội Việt Nam.

### **10.42. Du lịch văn hóa Việt Nam**

Học phần trình bày một cách hệ thống những kiến thức cơ bản về văn hóa du lịch, du lịch văn hóa, mối liên hệ giữa văn hóa với du lịch. Môn học tập hợp những kiến thức liên ngành khoa học (văn hóa, lịch sử, địa lý, giao tiếp ứng xử...) - những thành tố cơ bản hợp thành đặc trưng của văn hóa du lịch - Ngoài ra còn góp phần phân tích thảo luận một mô hình về văn hóa du lịch để ứng dụng vào phát triển du lịch ở nước ta.

### **10.43. Du lịch sinh thái Việt Nam**

Môn học này cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về quy luật tương tác giữa các thành phần môi trường trong một hệ sinh thái, tính đa dạng sinh học, diễn thế và sự phụ thuộc lẫn nhau của chúng theo quy luật vận động và phát triển của du lịch sinh thái. Giới thiệu cho sinh viên hiểu biết thêm về cơ sở sinh thái môi trường, sinh thái cảnh quan, cái hay, cái đẹp, cái hấp dẫn của một số loại hình sinh thái đặc thù, khai thác nhằm phục

vụ cho hướng dẫn du lịch sinh thái và bảo vệ môi trường bền vững mà trước hết là phát triển loại hình du lịch sinh thái bền vững, tạo tay nghề cho hướng dẫn viên hay quy hoạch tiến tới thiết kế du lịch sinh thái cho một khu hay một tour du lịch sinh thái. Ngoài ra người học còn được học thêm những kiến thức về quản trị kinh doanh lữ hành và những kiến thức tối thiểu về nghiệp vụ khách sạn nhà hàng.

#### **10.44. Tuyển điểm du lịch Việt Nam**

Học phần nghiệp vụ hướng viên du lịch được tổ chức giảng dạy tập trung vào các nội dung trọng tâm: (1) Tổng quan về tuyển điểm du lịch, (2) Tuyển điểm vùng Bắc Bộ, (3) Tuyển điểm vùng Bắc Trung Bộ, (4) Tuyển điểm vùng Nam Trung Bộ và (5) Tuyển điểm vùng Nam Bộ để sinh viên được trang bị kiến thức tổng quan về tuyển điểm nhằm phục vụ thiết kế sản phẩm du lịch và giải quyết các vấn đề liên quan khai thác tour.

#### **10.45. Thiết kế và điều hành tour**

Học phần trang bị cho người học những nội dung cơ bản về tổ chức và hoạt động của công ty du lịch, những kiến thức và kỹ năng về thiết kế và tổ chức tour du lịch, phương pháp định giá tour, hoạt động marketing và bán tour du lịch, công tác tổ chức thực hiện và những công việc của một nhân viên điều hành tour.

#### **10.46. Marketing du lịch**

Học phần cung cấp cho người học: những kiến thức về các loại hình du lịch và thị trường du lịch; các yếu tố môi trường tác động đến du lịch cũng như các ảnh hưởng của du lịch đến kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội và môi trường; kỹ năng đánh giá TTDL để xây dựng được kế hoạch chiến lược lâu dài trong du lịch.

#### **10.47. Địa lý du lịch Việt Nam**

Địa lý du lịch là môn học nhằm khái quát mối quan hệ giữa các đối tượng du lịch trên phạm vi lãnh thổ du lịch. Trang bị cho sinh viên kiến thức về địa lý du lịch, tài nguyên du lịch, thực trạng phát triển du lịch, hệ thống lãnh thổ du lịch. Trên cơ sở đó, vận dụng tìm hiểu tiềm năng du lịch, tuyến và điểm du lịch của các vùng du lịch ở Việt Nam.

#### **10.48. Quy hoạch du lịch**

Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức chung về quy hoạch du lịch đồng thời giúp sinh viên nắm được các phương pháp cũng như các nguyên tắc quy hoạch du lịch. Cung cấp cho sinh viên cơ sở lý luận về quy hoạch du lịch qua đó đưa ra những phân tích, đánh giá và dự báo các mục tiêu phát triển du lịch của quy hoạch du lịch.

#### **10.49. Kỹ năng hoạt náo**

Cung cấp cho sinh viên ngành du lịch những kiến thức, kỹ năng thực hành về chương trình, trò chơi mang tính tập thể nhằm giúp sinh viên tự tin, bản lĩnh khi thực hiện nghề, tiếp xúc với nhiều đối tượng khách khác nhau.

#### **10.50. Phát triển du lịch bền vững**

Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về một vấn đề khoa học du lịch cho sinh

viên: vấn đề phát triển du lịch bền vững. Đây là nội dung cấp thiết quan trọng trong giai đoạn hiện nay của ngành du lịch Việt Nam: phát triển làm sao đáp ứng được nhu cầu du lịch của hiện tại mà không làm tổn hại đến nhu cầu du lịch trong tương lai. Bên cạnh việc cung cấp các khái niệm cơ bản về du lịch, du lịch bền vững, phát triển du lịch bền vững học phần còn cung cấp những nội dung về phát triển du lịch bền vững ở những vùng du lịch nhạy cảm: vùng núi, vùng biển, vùng sinh thái hoang sơ. Cuối cùng học phần cung cấp các công cụ và định hướng cho việc lập quy hoạch các điểm, khu du lịch nhằm đạt đến mục tiêu phát triển bền vững.

#### **10.51. Địa danh du lịch Việt Nam**

Học phần cung cấp kiến thức cho sinh viên về địa danh du lịch Việt Nam: Định nghĩa và phân loại địa danh; nguyên tắc và phương pháp nghiên cứu địa danh; cấu tạo của địa danh VN; phân vùng địa danh VN; vấn đề biên soạn từ điển địa danh VN. Tổng quan về họ tên người Việt; họ; tên đệm; tên chính; các nhóm danh hiệu.

#### **10.52. Truyền thông và tiếp thị số trong du lịch**

Học phần tập trung vào phân tích hoạt động truyền thông Marketing với các công cụ truyền thông mới như: marketing qua công cụ tìm kiếm, marketing qua mạng xã hội, email marketing, mobile marketing.... Qua đó, sinh viên sinh viên có khả năng nhận biết được các công cụ Digital marketing để vận dụng vào quá trình lập kế hoạch truyền thông marketing. Đồng thời có thể đọc và phân tích các số liệu tương ứng với từng công cụ trong việc đo lường hiệu quả của hoạt động.

#### **10.53. Ứng dụng công nghệ thông tin trong du lịch**

Sinh viên hiểu rõ những kiến thức về việc khai thác nguồn thông tin trên mạng liên quan đến chuyên ngành, các khái niệm về internet và website, những kiến thức nền về tạo website như ngôn ngữ tạo website, những giai đoạn tạo website, thực hiện tạo một website tương thích đa thiết bị sử dụng mẫu có sẵn. Phân tích và đánh giá vai trò của người học trong việc ứng dụng công nghệ thông tin, lập kế hoạch xây dựng và e-marketing trong du lịch.

#### **10.54. Tài nguyên và môi trường du lịch Việt Nam**

Học phần Tài nguyên và môi trường du lịch Việt Nam được xây dựng nhằm mục đích cung cấp cho người học cơ sở lý luận về tài nguyên và môi trường du lịch Việt Nam, cung cấp kiến thức tổng quát về tài nguyên du lịch tự nhiên, tài nguyên du lịch nhân văn của Việt Nam, phân loại đánh giá môi trường du lịch Việt Nam, những nguyên tắc khai thác tài nguyên du lịch một cách bền vững, giảm thiểu tác động đến môi trường, hướng tới xây dựng môi trường du lịch bền vững.

#### **10.55. Tổ chức sự kiện trong du lịch**

Học phần này giúp người học hiểu rõ khái niệm, nhận dạng được môn tổ chức sự kiện, nội dung tổ chức sự kiện, Qua đó nhận thức được ý nghĩa xã hội của hoạt động tổ

chức sự kiện. Cung cấp cho người học khả năng hoạch định như Năm được các phương pháp cơ bản trong dự toán ngân sách, sáng tạo kịch bản, xây dựng kế hoạch của quá trình hoạt động sự kiện từ công việc chuẩn bị tới các 2 hoạt động sự kiện, tính toán thời gian cho sự kiện. Khả năng tổ chức – quản trị trong hoạt động chuẩn bị và thực hiện sự kiện.

#### **10.56. Kỹ năng thuyết minh trong du lịch**

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về thuyết minh du lịch; giúp sinh viên nhận thức được vai trò của công việc này và phân biệt được các loại hình thuyết minh du lịch. Từ đó, sinh viên có điều kiện rèn luyện kỹ năng xây dựng bài thuyết minh; rèn luyện kỹ năng, phương pháp thuyết minh phù hợp và ứng dụng nó vào trong công tác hướng dẫn du lịch của mình.

#### **10.57. Nghiệp vụ nhà hàng khách sạn du lịch**

Học phần Nghiệp vụ nhà hàng , khách sạn -Du lịch trang bị cho sinh viên ngành du lịch hiểu rõ về yêu cầu của nghề nhà hàng , khách sạn và các tiêu chuẩn , tiêu trị và yêu cầu của một nhân viên trong ngành phục vụ . Đặc biệt , trang bị cho sinh viên kiến thức chuyên môn về tổ chức , đón tiếp và phục vụ khách tại khách sạn , nhà hàng , quầy bar đáp ứng các yêu cầu về chất lượng , an toàn , an ninh , chu đáo và lịch sự . Rèn luyện kỹ năng , nghiệp vụ chăm sóc và phục vụ khách hàng , khả năng nắm bắt tâm lý khách hàng trong quá trình phục vụ . Thiết lập được các quy trình thực hiện công việc trong các lĩnh vực : tiếp tân , phục vụ buồng , phục vụ bàn , bar hợp lí khoa học và đúng tiêu chuẩn qui định.

#### **10.58. Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch**

Học phần nghiệp vụ hướng dẫn du lịch được tổ chức giảng dạy tập trung vào các nội dung trọng tâm: (1) Tổng quan nghiệp vụ hướng dẫn du lịch, (2) Nghiệp vụ hướng dẫn, (3) Biên tập tư liệu và thuyết minh hướng dẫn, (4) Hoạt náo trong hướng dẫn nhằm hướng đến đảm bảo chương trình tour và chất lượng dịch vụ theo cam kết.

#### **10.59. Thực hành nghiệp vụ hướng dẫn du lịch**

Thực hành nghiệp vụ hướng dẫn du lịch giúp sinh viên có cơ hội tiếp cận nhiều hơn với môi trường thực tế cũng như đối chiếu giữa lý thuyết và thực tiễn để từ đó nhận diện và có phân tích những vấn đề đang diễn ra trong thực tế đời sống kinh tế xã hội với những kiến thức chuyên ngành được trang bị trên lớp.

Sau khi Thực hành nghiệp vụ hướng dẫn du lịch này, những người tham gia sẽ tự tin và có khả năng tốt hơn trong: Rèn cho khả năng nắm bắt các thông tin dịch vụ du lịch tại các địa phương, cách phân bổ và bố trí hợp lý cung đường, tuyến điểm, địa điểm tham quan, hoàn thiện các kỹ năng trong nghiệp vụ du lịch.

#### **10.60. Quản trị điểm đến du lịch**

Học phần Quản trị điểm đến du lịch là học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành. Nội dung học phần: Mô tả khái quát điểm đến du lịch ; tổ chức quản lý và các nội dung quản lý điểm đến du lịch; chiến lược và quy hoạch quản lý điểm đến du lịch; các hoạt động

marketing và cạnh tranh điểm đến trong du lịch, phát triển sản phẩm và định vị điểm đến trong du lịch, các hoạt động quảng bá và xúc tiến điểm đến trong du lịch; quản lý chất lượng điểm đến du lịch.

#### **10.61. Quản trị kinh doanh lữ hành**

Học phần Quản trị kinh doanh lữ hành tổ chức giảng dạy theo 5 chương chính, tập trung vào phần kiến thức trọng tâm: (1) tổng quan về kinh doanh du lịch, dịch vụ, (2) Tổ chức bộ máy nhân sự, (3) Tổ chức kinh doanh du lịch, dịch vụ, (4) Tổ chức, thực hiện marketing du lịch, dịch vụ và (5) Quản trị chất lượng du lịch, dịch vụ.

#### **10.62. Quản trị kinh doanh nhà hàng khách sạn**

Môn học này giới thiệu những khái niệm tổng quan về nhà hàng. Liệt kê được các công việc trong nhà hàng và nhiệm vụ của từng vị trí. Trình bày được các nguyên tắc, phương pháp tính toán định lượng chế biến và tính toán được định lượng thực phẩm và đồ uống theo một số thực đơn. Đồng thời trình bày và áp dụng được các phương pháp quản trị chất lượng Nhà hàng. Các quy trình mua hàng và phân tích lựa chọn các nguồn hàng phù hợp với thực đơn và các nguyên tắc và kỹ thuật xuất, nhập và bảo quản hàng hóa, làm được các báo cáo nhập, xuất hàng, lưu kho.

#### **10.63. Niên luận du lịch**

Học phần Niên luận du lịch cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về bước đầu nghiên cứu liên quan đến một lĩnh vực, một vấn đề nghiên cứu cụ thể; các kiến thức cơ bản về một công trình nghiên cứu (các yêu cầu về hình thức, nội dung, cách trình bày báo cáo khoa học). Ngoài ra, còn rèn luyện các kỹ năng cơ bản, bước đầu để thực hiện một đề tài nghiên cứu như lựa chọn và xác định đề tài, đọc và tổng hợp tài liệu, xây dựng đề cương khái quát, đề cương chi tiết và trình bày kết quả nghiên cứu.

#### **10.64. Thực tế du lịch**

Thực tế giúp sinh viên có cơ hội tiếp cận nhiều hơn với môi trường thực tế cũng như đối chiếu giữa lý thuyết và thực tiễn để từ đó nhận diện và có phân tích những vấn đề đang diễn ra trong thực tế đời sống kinh tế xã hội với những kiến thức chuyên ngành được trang bị trên lớp,

Sau khi thực tế này, những người tham gia sẽ tự tin và có khả năng tốt hơn trong: Rèn cho khả năng nắm bắt các thông tin dịch vụ du lịch tại các địa phương, cách phân bổ và bố trí hợp lý cung đường, tuyến điểm, địa điểm tham quan, hoàn thiện các kỹ năng trong nghiệp vụ du lịch.

#### **10.65. Thủ tục xuất nhập cảnh**

Nội dung của môn học đề cập đến những vấn đề xoay quanh các quy định của quốc tế và của Nhà nước Việt Nam về hải quan, thủ tục hải quan, kiểm tra giám sát, pháp luật hải quan về thuế xuất nhập khẩu và điều tra chống buôn lậu và gian lận thương mại.



### **10.66. Bản đồ du lịch**

Học phần giới thiệu các kiến thức cơ bản về bản đồ chuyên đề, đặc điểm của bản đồ chuyên đề du lịch (cơ sở toán học, ngôn ngữ bản đồ, tổng quát hóa và tính đa dạng của bản đồ chuyên đề du lịch). Trên nền tảng đó, học phần giới thiệu về quy trình thành lập bản đồ hoàn chỉnh và cách sử dụng bản đồ phục vụ cho việc tổ chức, quản lý lãnh thổ du lịch và cung cấp thông tin để hướng dẫn du khách cho sinh viên.

### **10.67. Các loại hình du lịch hiện đại**

Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về các loại hình du lịch hiện nay. Ngoài ra sinh viên cũng sẽ được tìm hiểu các loại hình du lịch mới và đang phát triển trên thế giới. Giúp sinh viên nhận thức việc hoạt động du lịch đúng nghĩa

### **10.68. Phát triển sản phẩm du lịch**

Nội dung học phần cung cấp cho sinh viên những khái niệm về du lịch, sản phẩm du lịch, phát triển sản phẩm du lịch. Cũng như phân tích những đặc tính của sản phẩm du lịch Việt Nam. Ngoài ra còn giúp sinh viên phân tích nhu cầu du lịch từ đó xây dựng cơ sở để phát triển du lịch.

### **10.69. Du lịch sông nước, miệt vườn**

Môn học này cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản của một vùng sông nước miệt vườn Với đặc điểm của một vùng đất trù phú, có nhiều diện tích đất phù sa, là điều kiện cần và đủ để những vườn cây ăn trái phát triển tươi tốt., ngành du lịch cũng đã nắm bắt được những điều kiện thuận lợi để phát triển mô hình du lịch miệt vườn thăm quan, thưởng thức những vườn cây ăn quả dành cho du khách.

### **10.70. Du lịch biển đảo**

Môn học này nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức về du lịch biển đảo của Việt Nam, để sinh viên có thể hiểu hơn về tình hình phát triển du lịch ở vùng biển đảo. Sau khi học xong học phần này, sinh viên phải nắm được những kiến thức về nền tài nguyên biển đảo, nguồn lực phát triển du lịch biển đảo và các vấn đề liên quan đến bảo vệ chủ quyền biển đảo của nước ta để vận dụng vào chuyên ngành mình được học.

### **10.71. Du lịch tôn giáo và tâm linh**

Du lịch tâm linh tôn giáo là môn học lý thuyết chuyên ngành dành cho sinh viên ngành Du lịch Là môn học bổ trợ cho môn Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch, Du lịch tâm linh tôn giáo đặc biệt thích hợp cho những sinh viên có khuynh hướng chọn hướng dẫn du lịch là công việc tương lai. Môn học cung cấp nhiều kiến thức tâm linh, tôn giáo, địa lý, văn hoá, xã hội, lịch sử, môi trường du lịch cùng những vấn đề liên quan đến hệ thống các điểm du lịch tâm linh tôn giáo của Việt Nam, làm cơ sở để thuyết minh, hướng dẫn và thiết kế các chương trình du lịch tâm linh, tôn giáo.

### **10.72. Du lịch cộng đồng**

Học phần du lịch công nghiên cứu những kiến thức cơ bản về du lịch cộng đồng như

khái niệm DLCD, các hình thức, nguyên tắc hoạt động và những tác động của phát triển DLCD đến kinh tế, xã hội và môi trường. Đặc biệt học phần giúp cho sinh viên rèn luyện kỹ năng tổ chức quy trình phát triển mô hình DLCD. Ngoài ra học phần còn giúp sinh viên nghiên cứu những bài học kinh nghiệm thực tiễn phát triển DLCD tại một số quốc gia trên thế giới.

#### **10.73. Thực tập tốt nghiệp - DL**

Thực tập tốt nghiệp là hoạt động học tập bắt buộc được thực hiện trên thực tế tại đơn vị thực tập (nếu có) do sinh viên tự lựa chọn trong học kỳ cuối khóa.

Thực tập tốt nghiệp giúp sinh viên có cơ hội tiếp cận nhiều hơn với môi trường thực tế cũng như đối chiếu giữa lý thuyết và thực tiễn để từ đó nhận diện và có phân tích những vấn đề đang diễn ra trong thực tế đời sống kinh tế xã hội với những kiến thức chuyên ngành được trang bị trong trường đại học. Cụ thể hơn, đó là những vấn đề hay những cơ hội đơn vị thực tập đang đối diện. Dưới sự hướng dẫn của giảng viên và người phụ trách từ đơn vị thực tập, sinh viên sẽ phải làm việc tại một doanh nghiệp hay tổ chức có liên quan. Công việc này áp dụng những gì bạn đã học trong chương trình học tập tại trường vào hoạt động tại đơn vị thực tập.

#### **10.74. Khóa luận tốt nghiệp - DL**

Khóa luận tốt nghiệp là một công trình khoa học quan trọng của sinh viên, nhằm đánh giá khả năng vận dụng tổng hợp những kiến thức chuyên môn đã tiếp thu từ các học phần thuộc Chương trình đào tạo để giải quyết những yêu cầu về ứng dụng lý thuyết vào thực tiễn các hoạt động sản xuất kinh doanh và quản trị đặt ra. Kết hợp với sự hiểu biết về phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh, người học được yêu cầu tự chọn cho bản thân một vấn đề nghiên cứu phù hợp, xây dựng và thực hiện quy trình nghiên cứu, trình bày kết quả nghiên cứu dưới dạng một báo cáo khoa học và thực hiện chia sẻ kết quả nghiên cứu tại các buổi sinh hoạt học thuật và bảo vệ trước hội đồng đánh giá.

#### **10.75. Tiểu luận tốt nghiệp - DL**

Tiểu luận tốt nghiệp là một công trình khoa học quan trọng của sinh viên, nhằm đánh giá khả năng vận dụng tổng hợp những kiến thức chuyên môn đã tiếp thu để giải quyết những yêu cầu về ứng dụng lý thuyết vào thực tiễn các hoạt động sản xuất kinh doanh và quản trị đặt ra. Kết hợp với các kiến thức đã được trang bị thông qua học phần Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh, người học được yêu cầu tự chọn cho bản thân một vấn đề nghiên cứu phù hợp với chuyên môn của ngành đào tạo, xây dựng và thực hiện quy trình nghiên cứu, trình bày kết quả nghiên cứu dưới dạng một báo cáo khoa học.

#### **10.76. Di sản văn hóa với phát triển du lịch**

Học phần nêu những vấn đề cơ bản liên quan đến di sản văn hóa. Di sản văn hóa nhìn từ góc độ du lịch. Việc quản lý, khai thác di sản văn hóa phục vụ ngành du lịch. Quy

trình tổ chức và quản lý, khai thác di sản văn hóa đối với phát triển văn hóa, xã hội và du lịch.

#### **10.77. Các loại hình nghệ thuật biểu diễn ở Việt Nam**

Môn học có nội dung là những kiến thức cơ bản nhất về bản chất và nguồn gốc của nghệ thuật, các khuynh hướng và quan điểm khác nhau về quá trình hình thành, phát triển của nghệ thuật truyền thống của Việt Nam, từ đó đi sâu phân tích các loại hình nghệ thuật: nghệ thuật ngôn từ, nghệ thuật tạo hình, nghệ thuật biểu diễn và nghệ thuật tổng hợp, mối hệ giữa các ngành nghệ thuật với nhau, đặc biệt ở những ngành nghệ thuật gắn gũi với văn học như sân khấu, điện ảnh. Môn học cũng giới thiệu và phân tích mối liên hệ qua lại giữa sáng tác, thưởng thức và phê bình nghệ thuật, giữa nghệ sĩ và hiện thực đời sống xã hội, về vai trò và chức năng của mỗi loại hình nghệ thuật, tác động qua lại giữa bản thân đối tượng nghệ thuật và nhu cầu thưởng thức cái đẹp của công chúng trong đời sống xã hội.

#### **10.78. Marketing địa phương**

Ngày nay marketing không chỉ được ứng dụng trong lĩnh vực kinh doanh mà còn cả trong những lĩnh vực phi kinh doanh khác. Môn học Marketing địa phương là môn học ứng dụng marketing trong lĩnh vực hoạt động của địa phương (vùng lãnh thổ) nhằm thu hút các nguồn lực bên ngoài cho sự phát triển của địa phương. Môn học cung cấp cho sinh viên cách tư duy, phương pháp luận, các chính sách và giải pháp nhằm tạo dựng và khuếch trương và cung ứng các giá trị của địa phương nhằm thu hút khách hàng địa phương.

#### **10.79. Địa lý du lịch thế giới**

Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức về: du lịch và kinh tế du lịch - ngành kinh tế ngày càng phát triển trên thế giới; vị trí địa lý của 5 châu lục, 22 khu vực và các thực thể địa chính trị (Geopolitical Entities) tiêu biểu trên thế giới; các tài nguyên du lịch tiêu biểu ở các châu lục, 22 khu vực và các thực thể địa chính trị (Geopolitical Entities) tiêu biểu trên thế giới; các điểm đến tiêu biểu thu hút khách du lịch hàng đầu thế giới ở các khu vực và các quốc gia tiêu biểu trên thế giới.

### **11. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH**

Chương trình chi tiết đào tạo Cử nhân Du lịch hệ chính quy gồm 141 TC (kể cả Giáo dục quốc phòng – An ninh và Giáo dục thể chất), trong đó có 30 TC giáo dục đại cương, 31 TC cơ sở khối ngành, 69 TC kiến thức ngành và tốt nghiệp, việc triển khai chi tiết thực hiện chương trình và giám sát chất lượng chuyên môn do Bộ Giáo dục và Đào tạo chỉ đạo thực hiện.

+ **Phần nội dung chương trình bắt buộc:** Trường Đại học Tây Đô chỉ đạo Bộ môn Du lịch phải tổ chức thực hiện giảng dạy đủ khối lượng đã quy định.

+ **Phần nội dung chương trình tự chọn:** tùy theo số đông sinh viên lựa chọn chủ đề của phần tự chọn để học đủ số lượng theo quy định, học thêm 4 TC và làm tiểu luận nếu sinh viên không làm khóa luận tốt nghiệp.

+ **Kế hoạch sắp xếp nội dung và quỹ thời gian:** Bộ môn Du lịch sẽ chủ động bố trí và điều chỉnh các học phần của các học kỳ và phải bảo đảm tính logic và tính hệ thống của chương trình đào tạo theo trình tự để sinh viên học các học phần thuộc kiến thức giáo dục đại cương trước khi học các môn chuyên ngành. Phòng Đào tạo và Bộ môn Du lịch sẽ sắp xếp chương trình và triển khai thực hiện theo chương trình chi tiết đã được duyệt.

## 12. PHÊ DUYỆT CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Bản mô tả chương trình này đã được kiểm tra, phê duyệt và ban hành theo đúng quy trình, quy định của Trường Đại học Tây Đô./.

Cần Thơ, ngày 25 tháng 3 năm 2020

HIỆU TRƯỞNG

P. PHÒNG ĐÀO TẠO

TRƯỞNG KHOA



*Trần Long Luận*

*Lê Phú Nguyễn Hải*

